

TÁN THUẬT KINH KIM CANG BÁT NHÃ

QUYỂN HẠ

“Phật bảo Tu-Bồ-đề: Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu lại có người nghe được kinh này, không kinh, không hãi, không sợ; thì nên biết người đó rất là hiếm có”.

Lời thuật: Đây là phần hai: Phật đáp. Trước là nêu, sau là giải thích; ở đây là phần trước.

Ý ngài Thế Thân: Kinh là kinh khủng; bởi có chúng sanh e rằng kinh điển này chẳng phải là chánh đạo hạnh. Bồ là hãi sợ, bởi nương vào Bát-nhã tu học mà không thể đoạn nghi. Úy là do sợ hãi mà cuối cùng không chịu tu học. Nếu có người lìa xa những điều đó thì gọi là không kinh, không hãi, không sợ.

Ngài Vô Trước nói: Trong Thanh Văn thừa, Thế Tôn thuyết Hữu pháp và Hữu không. Thời nghe kinh này không có Hữu, vì vậy mà kinh! Nghe không, không có Hữu, vì vậy mà Bồ. Khi tư lượng với cả hai đều bất hữu. Trong lý không thể tương ứng, vì vậy mà úy.

Còn có cách giải thích khác: Vì ba thứ vô tự tính, cho nên ứng tri. Nghĩa là vì tương sinh Đệ Nhất Nghĩa, cho nên vô tự tính. Giải rằng: nghĩa là với biến kế sở chấp không có thể tương, vì vậy mà gọi là không kinh. Với Y tha khởi, không có tính tự nhiên sinh, vì vậy mà nói là không bồ. Ở trong Viên thành thật, không có những chấp trước Nhân Pháp kia, vì vậy mà không úy.

“Vì sao Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết Đệ Nhất Ba-la-mật, tức phi Đệ Nhất Ba-la-mật, ấy gọi là Đệ Nhất Ba-la-mật”.

Lời thuật: Đây là phần giải thích về sự hơn hẳn.

Ngài Thế Thân nói: Như Lai thuyết Đệ Nhất Ba-la-mật, nghĩa là chư Phật mười phương cùng khen và nói nó có thể làm thành Nhân lớn, vì vậy mà gọi là Đệ Nhất, để hiển bày kinh này hơn hẳn các kinh khác. Phi Đệ Nhất Ba-la-mật là chẳng phải những người khác mà đặc được! Trí vô phân biệt chứng lý Vô ngã thì chỉ có chư Phật mười phương đặc, người khác không đặc. Vì vậy mà gọi là Đệ Nhất Ba-la-mật, duy chỉ

Phật sở đắc.

Ngài Vô Trước giải thích: Đệ Nhất Ba-la-mật nghĩa là: Bát-nhã là Tối thắng nhất so với năm Ba-la-mật khác.

“Tu-bồ-đề! Nhẫn nhục Ba-la-mật, Như Lai thuyết phi nhẫn nhục Ba-la-mật”.

Lời thuật: Theo ngài Thế Thân; ở trên là đoạn thứ hai đã xong; từ đây là đoạn ba phần bốn: So sánh. Trong đó, phần đầu là giải thích mối nghi, tiếp là so sánh chính. Trong phần giải thích mối nghi có ba phần. Vì ở trên nói xả thân mạng, từ đó mà sinh nghi. Nghĩa là có nghi rằng: Nói là xả bỏ thân khổ kia, nhưng quả báo phước đức thì ít, nếu vậy, thọ trì điển thuyết theo pháp môn này, các Bồ-tát thực hành khổ hạnh, thì khổ hạnh đó cũng là quả khổ. Sao lại nói pháp môn này không thành Quả Khổ? Ý này muốn nói: Trước nói xả thân mệnh khổ vẫn trở lại đắc khổ quả, thân đắc phước kém. Nếu vậy, Bồ-tát vì pháp môn này hành các khổ hạnh, cũng cảm quả khổ thân, sao phước đức lại hơn? Nghĩa là, như Bồ-tát Đà Ba Luân, ở chỗ Bồ-tát Đàm Vô Yết, vì cầu Bát-nhã Ba-la-mật mà đánh gãy xương lồi tủy để thực hành cúng dường. Khổ ấy đắc phước đức phải ít.

Nay xin đáp rằng: Nếu vì tuệ hạnh mà xả thân thì đắc phước nhiều. Nếu tuy là xả thân, nhưng không hành tuệ hạnh để cầu Bồ-đề, là nhân của sanh tử, vì vậy mà phước kém!

Trong đoạn văn đó chia làm bốn phần: 1. Chính thức phá nghi trước; 2. Chỉ sự để hiển bày; 3. Từ câu: “Bồ-tát nên lìa tất cả” là dẫn sơ địa Bồ-tát, để chỉ bày lý vô trú; 4. Từ câu: “Bồ-tát vì lợi ích...” khuyên bảo chúng sanh làm lợi ích trú lý Nhị không. Đây là phần đầu.

- Nhẫn nhục Ba-la-mật nghĩa là chư Phật mười phương cùng đắc, hoặc cùng cầu sự nhẫn nhục của tuệ hạnh.

- Như Lai thuyết phi nghĩa là người khác chẳng đắc được, hoặc chẳng cầu tuệ hạnh, vì vậy không gọi là Ba-la-mật. Trước đã nói xả thân mạng nghĩa là phi tuệ hạnh vì vậy không gọi là Ba-la-mật, cho nên nói là phi nhẫn nhục.

“Vì sao? Tu-bồ-đề! Như ta xưa bị vua Ca Lợi cắt đứt thân thể, Ta lúc bấy giờ không có Ngã tướng, không có Nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng. Vì sao? Ta thuở xưa, khi tay chân đứt rời, nếu có Ngã tướng, Nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì phải sanh sân hận”.

Lời thuật: Đây là phần hai: Chỉ sự. Trong đó, phần đầu là dẫn một thân thời xưa, tiếp đó là dẫn chứng nhiều thân khác. Đây là phần đầu.

Trong đó trước là nói Ly tướng thành nhẫn, sau là phản thuyết thành trước.

Ca-Lợi vương cũng có tên gọi là Khổ sở, làm nhiều việc ác độc. Nghĩa là thuở xưa Như Lai, là một tiên nhân nhẫn nhục, tu đạo ở trên núi. Ông vua đó đem các gái đẹp vào núi săn bắn vui chơi. Vua mệt mà ngủ, các cô gái lại chỗ tiên nhân cầu nghe chánh pháp. Vua tỉnh dậy, thấy các cô gái đang vây quanh vị tiên đó. Vua bèn hỏi vị tiên: “Người là ai?...” cho đến hỏi: “Người là phạm phu ly dục phải không?” Đáp rằng: “Chưa ly dục”. Vua nghe sinh giận, bèn chặt đứt tay chân... Lúc đó vì không có Ngã tướng cho nên thân hình trở lại như cũ. Nay dẫn ra ở đây.

“Lại nhớ, năm trăm đời quá khứ, làm tiên nhân nhẫn nhục, ở những đời ấy không có Ngã tướng, không có Nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng...”

Lời thuật: Đây là phần tiếp theo dẫn chứng nhiều thân khác.

“Do vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên liả tất cả tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Lời thuật: Đây là phần ba. Dẫn sơ địa Bồ-tát.

Đặc nhẫn nhục nên gọi là Bất trú tâm. Để chỉ bày nghĩa Bất trú sinh tâm; đoạn văn có hai phần; trong đó phần đầu là chỉ bày chung, phần sau là chỉ bày riêng. Đây là phần đầu.

Phát tâm có năm: 1) Chung tánh phát tâm, là Địa tiền. 2) Tín phát tâm: là ba địa đầu tiên, tương đồng với thế gian tu thí, giới, nhẫn.

3) Minh phát tâm: là Địa thứ tư, năm, sáu, bảy, tương đồng với xuất thế; nghĩa là: Địa thứ tư tác Bồ-đề Phần Quán, tương đồng với Dự lưu: Địa thứ năm, tác Tứ đế quán, tương đồng với A-la-hán. Địa thứ sáu tác Duyên khởi quán, tương đồng với Duyên giác. Địa thứ bảy thuần là Vô tướng quán, chính là Bồ-tát vậy. 4) Bất thối phát tâm: là Địa thứ tám, chín, mười. 5) Vô thượng phát tâm: là Phật địa, cũng gọi là Ngũ chủng Bồ Đề, chứng tánh Bồ-đề...

Nay ở đây nói phát tâm là Tín phát tâm, tức sơ địa Bồ-tát nội quán chân như vô trú lý, cho nên gọi là Bất trú sanh tâm.

“Không nên trú sắc mà sanh tâm; không nên trú thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm”.

Lời thuật: Đây là phần chỉ bày riêng.

Ở trong cái trú, ban đầu là khiến không trú ở tướng, tiếp đến là khiến trú vô tướng, tiếp nữa là giải thích lý do, sau cùng là tổng kết. Đây là phần đầu. Có nghĩa là: Trú ở các sắc, thanh,... mà sanh tâm;

thành ra là Hữu trú, tức dính mắc vào Ngã, Nhân,... vì vậy bảo là không nên trú.

“Nên sanh tâm vô trú”

Lời thuật: Đây là phần khiến trú vô tướng. Nghĩa là Quán vô tướng, gọi là vô trú. Phải chứng được lý này mới diệt Ngã, Nhân...

“Nếu tâm hữu trú, tức là phi trú”

Lời thuật: Đây là phần giải thích lý do trên, Nghĩa là: Nếu trú sắc,... sanh tâm thì thành ra chẳng chân trú!

“Vi vậy Phật nói: Tâm Bồ-tát không nên trú sắc mà bố thí”.

Lời thuật: Đây là phần tổng kết.

“Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sanh, nên như vậy mà bố thí”.

Lời thuật: Đây là phần bốn: Trừ nghi, chỉ bày Lý. Trong đó phần đầu là khiến thực hành vô trú thí; tiếp đến chính thức phá nghi đó; tiếp nữa là giải thích riêng đạo lý. Nghĩa là, có nghi rằng: Trên nói bất trú sanh tâm, sao nay lại nói vì lợi ích chúng sanh tu hành, mà không gọi là trú ở chúng sanh sự? Để dứt nghi đó, cho nên có câu văn này.

“Như Lai thuyết tất cả các tướng tức là phi tướng”.

Lời thuật: Đây là phần hai chỉ bày riêng đạo lý. Trong đó; trước là nói về pháp không, sau là nói về Nhân không. Đây là phần trước.

- Thuyết tất cả các tướng có nghĩa là vọng tướng.

- Tức là phi tướng; là không có thực tướng, vì hư vọng vốn không.

“Lại thuyết tất cả chúng sinh tức phi chúng sanh”

Lời thuật: Đây là nói về sanh không.

- Thuyết tất cả chúng sanh, nghĩa là chúng sanh bị chấp là thật.

Xác định là phi chúng sanh, nghĩa là chẳng phải thật có chúng sanh.

Phần trên là theo sự giải thích của ngài Thế Thân về mối nghi thứ nhất.

Theo ngài Vô Trước: Từ câu: Như Lai thuyết nhãn nhục Ba-la-mật là nhãn khổ thứ mười ba, tức trong lý chướng trú xứ, nó là trú xứ thứ chín, là lý bất năng nhãn khổ trong mười hai trú xứ. Nghĩa là người khác không thể nhãn, phát khởi siêng năng khổ hạnh Bát-nhã Ba-la-mật này. Như Lai dẫn chuyện xưa của mình, khiến có thể nhãn khổ, lý chướng không nhãn. Trong đoạn văn đó có hai phần: Phần đầu nói về ba loại nhãn khổ để lý bất nhãn khổ chướng. Phần sau từ câu: “Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên ly tất cả tướng”; là nói về bất nhãn nhân duyên có ba loại khổ. Trong phần đầu có ba phần: 1) Nói về năng nhãn, nghĩa là

đã đạt pháp vô ngã. Như kinh nói: “Như Lai thuyết nhĩn nhục Ba-la-mật”; 2) Nói về nhĩn tướng; Nghĩa là khi người ta khởi ác với mình, do nhờ không có các tướng ngã, Nhân,... nên không sanh sân tướng; cũng không ở trong nhĩn nhục Ba-la-mật mà sanh ra Hữu tướng. Ở trong phi Ba-la-mật mà không sanh ra vô tướng. Như kinh nói: “Ta xưa bị vua Ca Lợi chặt đứt thân thể, ta lúc đó, không có các tướng Ngã, Nhân...”; 3) Chủng loại nhĩn: nghĩa là khổ nhĩn cực kỳ, khổ nhĩn liên tục. Như kinh nói: “Ta xưa bị vua Ca Lợi chặt đứt thân thể” và kể “Ta nhớ trong năm trăm đời quá khứ làm Tiên nhân nhĩn nhục...”

Ở phần Bất nhĩn nhân duyên, có ba phần:

1) Lưu chuyển khổ nhĩn: nghĩa là vì không nhĩn cho nên bị chuyển trôi trong dòng sanh tử; để đối trị cho nên bảo Ly tất cả tướng, phát tâm vô thượng. Nếu trú sắc, thanh,... thì trôi nổi trong bể khổ, mệt mỏi, hao tổn mà tâm Bồ đề không sanh. Kinh nói: “Vì vậy Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên ly tất cả tướng mà phát tâm...”

2) Đối trước tướng chúng sanh đều trái ngược khổ nhĩn. Kinh nói: “Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên như vậy bố thí...” nghĩa là, đã vì chúng sanh mà thực hành vô trú thí, sao lại còn sanh sân hận với họ?

3) Hiện thị đối trị thiếu nhân duyên thọ dụng khổ nhĩn. Như kinh nói “Tu-Bồ-đề! Nếu Bồ-tát tâm trú ở pháp mà hành bố thí... Nghĩa là nếu dính mắc ở quả báo mà thí, thì đối với thủ dụng bị thiếu kém. Nếu hành vô trú bố thí, phụng sự cả hư không, trân bảo vô lượng.

“Tu-bồ-đề! Như Lai là bậc chân ngữ, bậc Thật ngữ, bậc Như ngữ, bậc Bất cưỡng ngữ, bậc Bất dị ngữ”.

Lời thuật: Theo giải thích của ngài Thế Thân; đây là phá mối nghi thứ hai. Có người nghi rằng: Thường nói: Vô tướng nhân thì đắc vô tướng quả, ở trong chứng quả thì vô đạo; sao nay lại nói là ở trong quả kia, có thể làm thành nhân? Ý nói: Pháp được chứng đã là Hành vô tướng, rỗng lặng, vô trú,... Sao lại có thể làm thành Nhân? Để dứt bỏ mối nghi này đoạn văn chia làm hai phần: Phần đầu nói về bất vọng ngữ, phần sau là vứt bỏ ngoại chấp. Đây là phần đầu.

Luận nói; vì Như Lai thật trí, bất vọng ngữ, Phật Bồ-đề và chuyện thọ ký tiểu thừa, đại thừa, đều không vọng nói. Vì bốn cảnh ấy cho nên thứ tự trước sau nói bốn ngữ. Nay trong kinh này nói thêm về bất cưỡng ngữ.

Ngài Vô Trước nói: Ở đây muốn hiển thị cái gì? Muốn khiến cho tin vào Như Lai mà năng nhĩn. Trong đó, chân ngữ là để hiển bày tướng của Thế đế; thật ngữ là để hiển bày tu hành Thế đế có phiền não và

tướng của thanh tịnh. “Thật” Ở trong cái thật đó Hành này phiền não, Hành này thanh tịnh. Như ngữ là vì hiển bày Tướng của Đệ Nhất Nghĩa đế. Bất dị ngữ là vì nói Đệ Nhất nghĩa đế tu hành có tướng phiền não và tướng của thanh tịnh mà thuyết chân ngữ này. Tóm tắt ý này là: Như Lai độc tôn trong ba cõi, Thầy của các cõi Trời, Người, là Chúa pháp giới, làm thầy thuốc cho năm cõi. Cởi bỏ giày, món hàng sang quý của người tại gia, vứt bỏ ngôi lớn Luân Vương, thành Đạo chánh giác; những điều mình muốn đều đã thành, đã không màng danh lợi, lại chẳng cầu an vui, mà còn có vọng ngữ được sao?

“Tu-Bồ-đề! Pháp mà Như Lai đắc, pháp này vô thật, vô hư”.

Lời thuật: Đây là phần hai: Vứt bỏ ngoại chấp.

Pháp Như Lai đắc là cái lý chứng được. Vô thật nghĩa là không thể như lời mà giữ lấy cho là thật. Vô hư nghĩa là cũng không thể lừa lời mà cầu riêng khác. Do bất hư, cho nên nương lời Phật dạy mà tu học; do bất thật, cho nên lìa vọng tưởng mà chứng chân; nghĩa là phạm phu do vọng tưởng chấp Vô, chấp Hữu, cho nên không thật. Như Lai không có vọng tưởng mà thuyết, cho nên là không Hư.

“Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tâm trú ở pháp mà hành bố thí; thì như người vào trong bóng tối, không thấy gì cả! Nếu Bồ-tát tâm không trú pháp mà hành bố thí, thì như người có mắt, dưới ánh sáng mặt trời sáng sủa, sẽ thấy nhiều loại sắc”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân giải thích: Đây là phá mối nghi thứ ba. Nghĩa là có người nghi rằng: Nếu có thánh nhân, nhờ vô vi chân như mà đắc danh, Chân Như kia ở tất cả mọi thời, ở tất cả mọi nơi đều có, sao lại nói là không trú tâm, đắc Phật Bồ-đề thì chẳng phải là không trú. Nếu ở mọi thời, mọi nơi đều thật có Chân Như, vì sao có người thì đắc được, có người lại không đắc được? Để đoạn dứt mối nghi này, cho nên nói dụ vào bóng tối,... Trong đó có hai phần, phần đầu là nói về trú sự thành ra là Nhân của sanh tử, phần sau là nói về bất trú là nghiệp của xuất thế. Đây là phần đầu.

Kệ nói:

*Thời và nơi: Thật có
Nhưng không đắc Chân Như
Kẻ vô trí, trú pháp
Người khác, hữu trí đắc.*

Ý này nói: Chân Như ở mọi thời, mọi nơi, đều thật có, do vô trí, lấy tâm trú pháp, cho nên không hiểu xuất ly, giống như đi vào bóng tối, không biết mình sẽ đi về đâu, mà không đắc được, còn người đắc

thì ngược lại.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần ba, hiển thị đối trị với thiếu nhân duyên thọ dụng khổ nhân.

“Tu-bồ-đề! Những đời sau này, nếu có Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, đối với kinh này có thể thọ trì, đọc tụng, thì Như Lai với trí tuệ Phật đều đã biết đã thấy người ấy, và biết người ấy sẽ thành tựu công đức vô lượng vô biên”.

Lời thuật: Đây là đoạn ba trong phần so sánh thứ tư. Trên đã phá ba mối nghi xong; dưới đây là phần hai trong phần so sánh chính; phần đầu là so sánh hơn kém, phần sau từ câu: “Nói tóm lại” là giải thích nguyên do. Trong phần đầu có hai phần: Đầu tiên là nói thực hành ba loại Hạnh thì công đức rất nhiều, tiếp là nêu sự việc để so sánh. Đây là phần đầu.

Ba loại hạnh: 1. Thọ; 2. Trì; 3. Đọc tụng.

Ngài Vô Trước nói: Dưới đây là sai biệt thứ mười bốn, là Ly tịch tĩnh vị. Tức trú xứ thứ mười; Ly khuyết thiếu trí tư lương trong mười hai trú xứ ly chướng. Nghĩa là: Có người đắm trong thiền định, không chịu Thính văn mà tu tập trí tuệ, thành ra thiếu khuyết trí tư lương; nay khiến cho trì đọc tụng, phát sanh trí tuệ thì mới đặc Bồ-đề. Vì định là phước môn, chỉ có thể trợ đạo mà thôi!

Trong đoạn văn đó có năm phần, đó là hiển thị tương ứng với pháp, có năm loại thắng công đức:

1) Như Lai thân cận nhớ nghĩ đến. Như kinh nói: “Người thọ trì đọc tụng tu hành, thì Như Lai lấy Phật trí huệ...”

2) Nhiếp phước đức. Như kinh nói: “Đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức tu”.

3) Tán thán pháp và tu hành. Như kinh nói: “Nói tóm lại, có được kinh này là bất khả tư nghị...”

4) Các cõi Trời cúng dường. Như kinh nói: “Ở khắp mọi nơi, nếu có kinh này...”

5) Diệt tội. Như kinh nói: “Người thọ trì đọc tụng kinh này là những người nghèo hèn, cho đến sẽ đắc...” Đây là đoạn văn thứ nhất.

Nghĩa là phải thọ trì đọc tụng kinh này; nó là Nhân của chánh báo Bồ-đề, là chân pháp cúng dường bao nhiêu của cải quý báu mà thế gian có được đem cúng dường Như Lai cũng không thể bằng, do như vậy, cho nên Như Lai thường lấy Phật trí đã biết người ấy, thường lấy Phật nhãn đã thấy người ấy, thường gần gũi, nhớ nghĩ về người ấy.

“Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, buổi mai lấy

hằng hà sa số thân để bố thí; buổi trưa lại lấy hằng hà sa số thân để bố thí; buổi tối cũng lấy hằng hà sa số thân để bố thí; cứ như vậy, trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp lấy thân để bố thí. . . Nếu lại có người nghe kinh điển này, tín tâm không nghịch, thì phước đức này hơn cả phước đức kia, huống nữa là viết chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà giải thuyết”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân giải thích: Đây là nêu sự việc để so sánh, trong đó, phần đầu nói bố thí rất nhiều mạng; sau nói tin kinh này thì phước đức nhiều hơn.

- Xả thân ba thời trong ngày, là giả sử có người như vậy.

- Tín tâm không nghịch, nghĩa là nếu có người nghe kinh điển này, tuy chưa thể thọ trì đọc tụng, chỉ sanh tịnh tín, tùy hỷ công đức, thì phước đó còn hơn cả phước đức kia! Vì sao vậy? Vì ở trong sanh tử, tuy xả bỏ thân mạng, thì cuối cùng cũng không khế hội với Pháp thân Bồ-đề. Tịnh tín tâm, vừa mới sanh tuy chưa sanh tuệ giải, nhưng nhờ Nhân tín xưa nên khi lắng nghe, trí tuệ sanh trưởng chắc sẽ thành Phật, thì phước đức đó tức phải nhiều, vì đã sanh ra ý tùy thuận.

“Tu-bồ-đề! Lấy chính yếu mà nói, kinh này có công đức vô biên, không thể tư nghị, không thể xưng lượng; Như Lai đã vì những người phát Đại thừa, vì những người phát Tối thượng thừa mà thuyết”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói. Từ đây là giải thích thứ hai, giải thích nguyên do, trong đó có sáu lần lại nữa:

1) Để thị hiện hiếm nghe mà có thể sinh tín pháp. Nghĩa là căn cơ lớn thì nhập được, căn cơ nhỏ thì không nhập được. Như kinh nói: “Lấy chính yếu mà nói”...

2) Vì để thị hiện thọ trì chân diệu pháp. Nghĩa là thọ trì diệu pháp tức là gánh vác Bồ-đề. Như kinh nói: “Những người như vậy”...

3) Thị hiện những người như vậy, thì chắc chắn thành tựu vô lượng công đức. Nghĩa là kinh này ở chỗ nào cũng đều đáng để tôn trọng. Như kinh nói: “Ở khắp mọi xứ”.

4) Vì thị hiện viên ly tất cả các chương ngại. Nghĩa là chuyển đổi chương. Như kinh nói: “Thọ trì đọc tụng kinh này, nếu làm một người nghèo hèn...”

5) Nói về mau chứng Pháp Bồ-đề Phật. Như kinh nói: “Nếu lại có người ở đời mạt pháp sau này”.

6) Vì thị hiện thành tựu nhiều loại thế lực, đặc đại diệu quả. Nghĩa là nói rõ oai thế của kinh. Như kinh nói: “Thiện nữ nhân ở đời mạt pháp sau này...”.

Trong phần thứ nhất có hai phần: Phần đầu là nói về Đức lớn của kinh, phần sau là trì tụng thì phước đức tròn đầy. Đây là phần đầu.

- Không thể Tư nghị là chẳng thể xét bằng cảm tính và suy tư.
- Không thể xưng lượng là chẳng thể dùng ngôn mà xưng nói.
- Vì người Đại Thừa mà thuyết, nghĩa là Đại thừa định tính.
- Vì người tối thượng thừa mà thuyết, nghĩa là đại thừa không định tính.

tính.

Nghĩa là: Vì cũng có tính Nhị thừa là, vì diệu pháp này cực kỳ khó lường nhất. Tiểu thừa ý lạc kém cỏi, không thể ở kinh này mà phát thú, cho nên bảo vì những người phát Đại Thừa mà thuyết.

Ngài Vô Trước nói: Trong pháp ca ngợi và tu hành này, có ba phần: 1. Khen ngợi giáo pháp; 2. Khen ngợi người tu hành; 3. Sau câu: “Nếu người ưa thích tiểu pháp”... là nói chung cả hai loại. Đây là phần thứ nhất, ca ngợi pháp. “Vì người phát Đại thừa mà thuyết” thành những “bất khả tư nghị” trước.

“Nếu có người, có thể thọ trì, đọc tụng, rộng vì người mà thuyết; thì Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, thành tựu công đức không thể xưng, không thể lượng, không có bờ mé, không thể xét nghĩ”!

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần hai, nói về trì tụng thì phước đức viên mãn. Nghĩa là nhờ pháp này, nhờ Đại thừa mà thuyết, cho nên có người nào thọ trì, tất thu được công đức bất khả tư nghị vô thượng Bồ-đề. Vì vậy, người đó chỉ sinh một ít niềm tin thôi, cũng hơn cả xả bỏ thân mạng.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần hai, ca ngợi tu hành, trong đó có ba: 1. Thọ trì đọc tụng... mà được Phật nhiếp thọ; 2. Người đó, thành tựu thắng đức; 3. Vai gánh nặng Bồ-đề. Đây là hai phần đầu.

“Hạng người như vậy mới gánh vác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề của Như Lai”

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần hai, thị hiện thọ trì chân diệu pháp; trong đó, phần trước nói người căn cơ lớn trì tụng là gánh vác Bồ-đề; tiếp là nói về phạm phu nhị thừa không thể nghe nhận được. Đây là phần đầu. Nghĩa là, người thọ trì kinh sẽ có thể chứng được Bồ-đề. Tuy bây giờ chưa đắc, nhưng sau này sẽ đắc, vì vậy mà bảo là gánh vác. Gánh là gánh chịu, vác là phụ trách. Nói người thọ trì thì mới gánh vác nổi Bồ-đề.

“Vì sao? Tu-bồ-đề! Nếu người vui với tiểu pháp, là dính mắc vào Ngã kiến, Nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến; thì với kinh này, không thể nghe nhận, đọc tụng, vì người khác mà

giải thuyết”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là đoạn thứ hai.

- Người vui với tiểu pháp tức là hàng Nhị thừa.

- Người dính mắc vào ngã... tức là phàm phu.

Ngài Vô Trước nói: Đây là đoạn văn lớn thứ ba nói cả hai thứ trước.

“Tu-bồ-đề! Ở bất cứ nơi nào, nếu có kinh này, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la đều phải cúng dường, nên biết chỗ đó thành ra là Tháp, đều nên cung kính làm lễ, nhiễu quanh, lấy những hương hoa mà rải nơi đó”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần ba; tại các xứ đều đáng tôn trọng.

- Ngài Vô Trước nói: đây là phần bốn, chư Thiên cúng dường.

“Lại nữa, Tu-bồ-đề! Thiện nam tử thiện nữ nhân nào, thọ trì, đọc tụng kinh này; nếu làm một người nghèo hèn, là vì tội nghiệp đời trước của người ấy, lẽ ra phải đọa ác đạo, nhưng đời nay chỉ làm người nghèo hèn, cho nên tội nghiệp kiếp trước thành ra tiêu diệt, sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần bốn. Phần Chuyển hướng. Như luận Đối Pháp nói: Tư tạo nghiệp có năm thứ:

1. Do người khác dạy bảo: nghĩa là tự mình không vui thích.

2. Do người khác khuyên mời: nghĩa là miễn cưỡng mà làm.

3. Không hiểu biết vì cả: nghĩa là như các loài súc sanh, trẻ con.

4. Căn bản chấp trước: nghĩa là biết tội mà vẫn cứ làm, đa phần thuộc người xuất gia.

5. Điên đảo phân biệt: nghĩa là không biết mà làm, đa phần thuộc người tại gia. Ba thứ trước tạo nghiệp chưa chắc đọa địa ngục. Hai thứ sau tạo nghiệp định chắc đọa địa ngục. Tạo nghiệp hai thứ sau đều có sự ưng thọ, nhờ thọ trì đọc tụng kinh này mà trước tiên là nghiệp nặng được chuyển; kiếp này bị người khinh bỉ, vì vậy mà nghiệp đáng phải đọa ác đạo đều tiêu diệt. Nếu người thọ trì khởi tâm tăng thượng trì tụng, thì tội càng mau tiêu diệt, cũng chẳng bị người khinh bỉ, tội chuyển nặng thành nhẹ. Nếu người thọ trì mà tâm thấp kém, thì chưa chắc tội đã diệt. Lại có cách giải thích: Nếu báo thời đều không nhất định thì đều tiêu diệt. “Định báo không định thời”, tức tương lai sẽ phải chịu thì kiếp này chuyển lại chịu nhẹ. Do vậy, tuy tín thọ ít nhưng phước đức ấy lại nhiều hơn xả thân bố thí trên.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần Diệt tội. Trong đó có ba phần: Phần đầu là diệt tội; tiếp theo là “Mạt thế sau này” hiển thị nhiều

phước; cuối cùng là “Nên biết kinh này” hiển thị Thể của phước và quả là không thể đo lường. Trong phần đầu có hai phần; trước là nói tội diệt, sau là “Ta nhớ quá khứ...” là hiển thị oai lực. Đây là phần đầu. Nghĩa là nhờ lắng nghe trì tụng kinh này, nương học Trí vô phân biệt, chứng lý Nhị không. Nhị chướng đều mất hết, gọi là chân diệt tội. Vì do ngu si nên sanh ra ác nghiệp phân biệt tội. Nếu lắng nghe kinh này, đắc trí tuệ, cho nên trừ dứt phân biệt. Tức là “Tội từ tâm sanh trở lại từ tâm diệt”. Nhờ thọ trì đọc tụng kinh này, nên sẽ được chân diệt tội, ở trong hiện tại cũng đắc được sự chuyển tội nặng thành nhẹ.

“Tu-bồ-đề! Ta nhớ quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ở trước Phật Nhiên Đăng được tám trăm bốn ngàn vạn ức na-do-tha chư Phật, đều đã cúng dường, phụng sự, không bỏ sót”.

Lời thuật: Theo Thế Thân, đây là đoạn năm, mau chứng pháp Bồ-đề Phật. Trong đó, phần đầu là nêu phước tự mình đắc được, phần sau là so sánh với phước đức của người khác thọ trì. Đây là phần đầu.

- A-tăng-kỳ kiếp; theo giáo lý Tiểu thừa nói, từ một đến mười, mười mười thành trăm, mười trăm thành ngàn, mười ngàn thành vạn, mười vạn thành ức. Tích số sáu mươi lần như thế gọi là một A-tăng-kỳ. Nay theo Đại thừa Hoa Nghiêm; tích số một trăm hai mươi lần như thế, gọi là một a-tăng-kỳ. Cứ vạn vạn là ức, ức ức là triệu v.v...

- Ở trước Phật Nhiên Đăng tức trước a-tăng-kỳ thứ ba, vì đầu tăng-kỳ thứ ba gặp Phật Nhiên Đăng.

- Na-do-tha là số ngàn vạn. Nghĩa là ở trước Phật Nhiên Đăng gặp tám trăm bốn ngàn vạn vị Na Du Da Phật, trong đó, hai pháp cúng dường và phụng sự không bỏ sót. Nhưng đó chỉ nói con số không nói là hằng hà sa số, nghĩa là những Phật gặp được rất ít. Đây là chỉ nói theo ở nhất địa, nhị địa,... những vị Phật gặp được, chẳng nói là hai tăng-kỳ trước chỉ gặp bấy nhiêu Phật; vả lại, theo truyền thuyết cổ xưa, đức Phật Thích Ca ở tăng-kỳ đầu gặp năm Hằng hà sa Phật. Tăng-kỳ thứ hai gặp sáu Hằng hà sa Phật. Tăng-kỳ thứ ba gặp bảy Hằng hà sa Phật. Vậy thì, hai tăng-kỳ trước gặp vô lượng chư Phật. Sao nói chỉ bấy nhiêu? Nên biết chỉ căn cứ theo khoảng thời gian nào gặp Phật mà nói vậy thôi. Kinh Niết-bàn cũng nói: Y thứ nhất, Bồ-tát gặp năm Hằng hà sa Phật. Y thứ hai là sáu Hằng hà sa Phật; cho đến Y thứ tư, Bồ-tát gặp tám Hằng hà sa Phật. Y thứ tư đó tức Bồ-tát địa thứ mười. Vì vậy mà biết hai tăng-kỳ gặp vô lượng Phật là vậy! Thế nhưng Hữu tông lại nói: Tăng-kỳ thứ nhất gặp bảy vạn năm ngàn Phật; tăng-kỳ thứ hai gặp bảy vạn sáu ngàn Phật; tăng-kỳ thứ ba gặp bảy vạn bảy ngàn Phật.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần hiển thị oai lực; nghĩa là viên tuyền cao thẳng, cho nên gọi là oai lực. Trong đó có hai đoạn, đây là đoạn đầu.

“Nếu lại có người sau này ở đời mạt pháp, thọ trì đọc tụng kinh này, công đức đắc được so với công đức Ta cúng dường chư Phật, hơn cả trăm lần, hơn cả ngàn vạn ức lần, thí dụ cũng không thể bằng được!”

Lời thuật: Thế Thân giải thích rằng: Đây là phần hai. Lấy công đức người khác thọ trì mà so sánh. Nghĩa là cúng dường chư Phật chỉ là phước môn, trợ giúp pháp Bồ-đề; bởi lắng nghe trì tụng có thể sanh tuệ giải, phá tan sanh tử. Nghĩa là Bồ-tát. Tuy thực hành trăm ngàn các hạnh khác, nếu không tu tập tuệ ba-la-mật, cuối cùng cũng không thể thức đạt đạo lý, khế chứng chân như, đoạn trừ phân biệt gốc rễ của sanh tử. Vì vậy mà lắng nghe mau chứng Bồ-đề.

Ngài Vô Trước thì nói; đây là đoạn hai.

“Tu-bồ-đề! Nếu Thiện nam tử thiện nữ nhân về sau ở đời mạt pháp có thọ trì đọc tụng kinh này, công đức đắc được nếu Ta nói đủ, mà có người nghe thì tâm sẽ cuồng loạn, hồ nghi không tin”.

Lời thuật: Là phần thứ sáu theo Thế Thân. Trong đó, phần đầu nói nỗ lực quảng đại nghe hoặc hồ nghi; phần sau là diệu quả đắc được, chẳng phải là cảnh thuộc suy xét. Đây là phần đầu. Ý đó nói: Từ vô thủy đến nay, toàn bộ các tâm hành, sát, đạo,... toàn bộ nghiệp sát đạo,... của tất cả chúng sanh đều là oán, là hại; chỉ một lần nghe, một lần đọc kinh này mà phát Bồ-đề tâm, thì vĩnh viễn trừ oán hại, ở chỗ tất cả chúng sanh mãi mãi không có tâm sát đạo,... làm cha làm mẹ cứu với dạy dỗ cho các chúng sanh; thường làm phước thiện cho bạn tốt thực hành hiếu nghĩa với người thân quyến của mình. Thị hiện làm bạn hiền mà thực hành sự tín nhiệm, thị hiện làm trung thần mà có trung lương; thị hiện làm quân vương mà phước thiện cứu tế, cho đến thị hiện làm con cái hoặc người hạ tiện... Nếu làm trưởng giả thì được tôn quý trong giới trưởng giả. Như ngài Vô Cấu Xưng rộng nói hạnh đó. Tương lai thành Phật, công đức vô cùng, tận hết vị lai, giáo hóa loài Hữu tình, công đức như vậy rộng lớn vô lượng vô biên chỉ nhờ lắng nghe, mà đắc sinh. Vì vậy, nếu nói đủ, kẻ ngu vô trí, nghe sẽ cuồng nghi!

Nói cuồng loạn nghĩa là có người nghe kinh, không những không tin, ngược lại sinh thù ghét chê bai là bởi nhân cuồng loạn vậy! Hoặc do không tin, nên tương lai sẽ cảm quả cuồng loạn!

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần ba, hiển thị nhiều phước. Trong

đó có hai phần: Phần đầu nói phước nhiều khó tin, nghe hoặc cuồng nghi, Phần sau nói về phước quả thăm thẳm, không thể đo lường. Đây là phần đầu.

“Tu-bồ-đề! Nên biết kinh này, Nghĩa không thể suy xét; Quả báo cũng không thể suy xét”.

Lời thuật: Đây là phần thứ hai; là kinh giảng giải nghĩa của vô tướng, việc thọ trì nó, sẽ đạt được quả lớn Bồ-đề. Giáo nghĩa tự nó cũng đã khó lường; Quả báo cũng khó suy lường. Vì vậy mà kinh nói: “Có ba loại vật, che đậy nó thì đẹp, lộ bày nó thì xấu”. Nghĩa là Người ngu si, Sách vở ngoại đạo, và Đàn bà. “Có ba loại vật, lộ bày nó thì đẹp, che đậy nó thì xấu” là Người Trí Huệ, kinh điển Phật pháp và mặt trời mặt trăng. Nghĩa là Bát-nhã này khi chưa mở quyển ra, thì không khác với ngoại điển. Đã mở quyển ra rồi, hoặc giảng hoặc đọc rồi thì phá được trăm ngàn tội chướng của chúng sanh, đắc được Bồ-đề; cho nên người thọ trì được công đức rất nhiều, dù có xả bỏ nhiều thân mạng, cũng không thể so lường được.

“Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Thiện nam tử thiện nữ nhân nào phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm nên trú thế nào? Làm sao hàng phục tâm đó?”

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là vòng thuyết thứ hai. Ở trên là những người chưa hiểu phát tâm, dạy bảo cho họ tiến tới phát tâm. Người chưa hiểu tu hành, thì dạy bảo cho họ tu hành. Người chưa thể chế phục, chặt đứt các chướng, thì dạy bảo cho họ hàng phục; phần đó đã xong. Nay vòng này là vì những Bồ-tát đã phát tâm nói: Ta phát tâm được cho đến giai đoạn thứ ba. Người đã đoạn chướng nói: Ta có thể đoạn được, do vì sinh phân biệt mà chướng ngại Bồ-đề. Phân biệt là sở tri chướng, thứ chướng chính đối với Bất trú đạo. Nghĩa là nếu khi phát tâm tu hành,... Lấy trí vô phân biệt khế ngẫm với chân lý, không sanh phân biệt nói: Ta đắc được như thế, gọi là Bất trú đạo; Bởi bất trú sanh tử và Niết-bàn. Nếu có phân biệt thành ra là phi chứng; vì vậy mà bảo là chướng. Cho nên, Nhị thừa chấp có pháp bèn bị bắt bởi Niết-bàn, liền thủ tịch. Phạm phu chấp có sinh, bị trói buộc bởi sanh tử không thể xuất ly. Bồ-tát vì có đủ trí đại bi mà không bị trói buộc ở hai bên, vì vậy mà bảo là bất trú. Nếu hành mà chấp có, thế là bị trói ở Niết-bàn. Nếu không hành mà chấp thì bị sanh tử bắt, gọi là hữu trú. Phải hăng hái hành cả ba mà không khởi chấp “Ta làm được” thì mới được Trú ở Đạo Bất Trú. Hoặc trước là sơ cơ, lợi cơ, sau là hậu sơ, độn cơ.

Trong đoạn này, phần đầu là dương tông chánh minh, phần sau từ câu: “Ở Phật Nhiên Đăng” là giải thích chi tiết các mối nghi. Trong phần đầu có hai phần: Phần đầu là Thiện Hiện hỏi, phần sau là Như Lai đáp. Đây là phần đầu.

Ngài Vô Trước nói: Đây là sai biệt thứ mười lăm vì để khi chúng đạo Viễn lu hỷ động; tức là trú xứ thứ mười một, vì để viễn ly tự thủ trong mười hai trú xứ ly chướng ; cho nên có đoạn văn này. Nghĩa là Bồ-tát khi Phật tâm tu hành, tự thấy đắc được thắng xứ, rồi tự nghĩ: Ta có thể phát tâm tu hành... cứ như vậy ự thủ làm thắng ngôn, ngoài ra đều không phải... để làm cho viễn ly tự thủ đó, cho nên gọi là viễn ly tự thủ.

Phật bảo Tu Bồ-đề: “Thiện nam tử thiện nữ nhân nào phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, nên sanh tâm như vậy: Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh; diệt độ chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh nào thật ra được diệt độ. Vì sao? Tu Bồ-đề! Nếu Bồ-tát còn Ngã tướng, Nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì chẳng phải là Bồ-tát”.

Lời thuật: Theo ngài Thế Thân, ở đây là phần Phật đáp câu hỏi đầu, sau là giải thích nghĩa vi bất trú. Đây là phần đầu. Ý này muốn nói: Phát tâm tu hành... vốn để trừ bệnh; đã tồn ngã chấp, bệnh lại chuyển sinh, muốn khiến cho phát tâm, bên trong quên mất Ngã đó, đừng nhớ là ta có thể... Tu hành cũng vậy, hàng phục cũng phải như thế, cho nên đáp câu hỏi đầu, những câu hỏi khác thì tự suy mà biết vậy. Thế nhưng, trong đoạn văn này đúng ra thì cũng có bốn tâm trước. Nói: Ta nên diệt độ, là Đệ Nhất tâm; Tất cả chúng sanh là Quảng đại tâm; hai tâm còn lại, văn đã nói rõ ràng dễ hiểu.

Ngài Vô Trước nói: Ngay ở trong này, đã đáp ba câu hỏi nên, ng- hĩa là: Nên sinh tâm như vậy, là đáp câu hỏi đầu. Diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh nào thật sự được diệt độ, là đáp câu hỏi thứ hai. Nghĩa là: Khi độ chúng sanh không sinh tự thủ là nói: Ta có thể được như thế. Điều quan trọng là bên ngoài không có tướng chúng sanh, bên trong không khởi chấp Ngã có thể. Khế thuận chân lý mà độ hữu tình, mới gọi là tu hành. Nếu Bồ-tát có Ngã tướng... là đáp câu hỏi thứ ba. Phải chứng lý Nhân và Pháp cả hai đều không, thì nhị chướng mới có thể trừ, mới gọi là Hàng phục. Nếu nói Ta có thể thì chẳng phải là khế hội!

“Nguyên do vì sao? Tu Bồ-đề! Thật không có pháp nào để phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!”

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần giải thích nghĩa chương Bất trú đạo. Nghĩa là khi lấy trí vô phân biệt Nội chứng, Ngã và Pháp vốn đã không, hoàn toàn không có chỗ nắm bắt. Không nói là: Ta có thể phát tâm! Vì vậy mà bảo rằng không có cái gọi là pháp phát tâm!

“Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng có

pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề không?”

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần hai; rộng phá các nghi.

Có sáu nghi: Nghi thứ nhất là: Đã nói thật không có pháp gọi là Bồ-tát, sao Đức Thích Ca Như Lai, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, lấy hoa cúng dường, bố tóc bưng đất, hành Bồ-tát hạnh như vậy? Nghi thứ hai là: Sau câu: Tu Bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy! Nghi rằng: nếu không có Bồ-tát, thì chư Phật cũng không thành đại Bồ-đề, chúng sanh cũng không nhập đại Niết-bàn... Nếu như vậy thì vô nghĩa gì mà Bồ-tát phát tâm muốn khiến chúng sanh nhập Niết-bàn? Hai thứ nghi này nương theo phần nói về Đương tông ở trước, mà khởi bốn nghi sau, nhân ở triển chuyển giải thích mỗi nghi mà sinh, sau sẽ rõ. Ở đây là để phá mỗi nghi thứ nhất. Trong đó có ba:

1. Vì để phá sự chê bai cho là không có Bồ-tát. Nghĩa là tạo sự nhớ nghĩ thế này: Thật không có pháp phát Bồ-đề tâm; thế thì không có Bồ-tát. Sao Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng hành Bồ-tát hạnh? Như kinh nói: “Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng...”

2. Vì để trừ sự chê bai cho là không có chư Phật. Luận nói: Nếu không có Bồ-tát thế ai thành Phật? Thế thì chư Phật cũng không có. Cho nên luận nói: Nếu không có Bồ-tát tức không có chư Phật. Có sự chê bai như vậy. Nghĩa là một mực cho là không có chư Phật, như kinh nói: Như Lai tức nghĩa Như của các pháp.

3. Vì để phá sự chê bai cho là không có Bồ-đề. Luận nói: Nếu không có chư Phật thì không có Bồ-đề để có thể đắc; chư Phật không đắc Bồ-đề. Như kinh nói: “A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà Như Lai đắc được ở trong ấy là vô thật vô hư!...”. Trong phần trước có ba phần: phần đầu là Phật hỏi, thứ là Thiện Hiện đáp, sau là Phật thành. Đây là phần đầu. Phật hỏi.

Ngài Vô Trước nói: Đây là sai biệt thứ mười sáu; vì để cầu giáo thọ, tức trú xứ mười hai trong trú xứ Ly chương. Vì để ly nên không có giáo thọ. Nghĩa là trước đã nói: Thật không có pháp gọi là Bồ-tát, thì ở chỗ Phật Nhiên Đăng cầu cái gì? Bởi cũng không có ngôn giáo để mà cầu nghe. Vì để ly chương này, cho nên có đoạn văn này. Ở trong đó,

vẫn có năm phần:

1. Vì để Ly không có giáo thọ, như kinh nói: “Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng...”

2. Nói rõ Bồ-đề là không thể thuyết; nói: Vì ngôn ngữ của Phật Nhiên Đăng không gọi là Bồ-đề không như lời. Như kinh nói: Nếu có pháp Như Lai đắc được...

3. Giải thích các pháp lìa lời và nghĩa. Như kinh nói: “Như Lai tức nghĩa Như của chư pháp”.

4. Có người nói: Đức Thích Ca ở chỗ Phật Nhiên Đăng không đắc Bồ Đề, sau đó tự mình đắc chánh giác. Vì để ly thủ này, như kinh nói: “Nếu có người nói Như Lai đắc Bồ-đề...”.

5. Vì hiển thị Chân Như bất nhị. Như kinh nói: “Tu Bồ-đề! Những đắc được của Như Lai...”

Trong phần một cũng có ba phần như Thế Thân đã chia. Ở đây phần đầu là Hỏi.

Ngài Thế Thân giải thích: Hư vọng chấp là Hữu sở đắc. Như Lai đang ở chỗ Phật Nhiên Đăng, phát tâm chứng lý Nhân và Pháp đều không. Với những chấp đó, đều vô sở đắc, nhưng với vô sở đắc đó, là để đắc Bồ-đề. Nói: Có pháp đắc Bồ-đề pháp đắc Bồ-đề không? Nghĩa là hỏi Thiện Hiện: Ở trong chân lý, có pháp để đắc Bồ-đề không?

“Bạch Thế Tôn! Không ạ! Như con hiểu nghĩa Phật nói, Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

Lời thuật: Đây là phần hai, đáp.

“Phật nói: Đúng vậy! Đúng vậy! Tu Bồ-đề! Thật không có pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

Lời thuật: Đây là phần ba. Như Lai thành. Trong đó phần đầu là ẩn khả; phần sau là giải thích thành. Đây là phần đầu. Nghĩa là trong lý chân như không có sở đắc, cũng không có thọ ký. Vì ngã đều không. Ngài Duy Ma nói: “Nếu theo Như Sinh mà đắc thọ ký thì như không có sanh. Nếu theo Như Diệt mà đắc thọ ký thì Như không có diệt...”. Bởi lý của châu như không có thọ ký. Chỉ nói trong lý chân không có thật pháp để có thể phát tâm, chứ chẳng có nghĩa là cũng không có chân trí để có thể khế với Bồ-đề, gọi là Bồ-đề. Cho nên với sự, Bồ-đề cũng Bất Vô. Ngài Vô Trước nói: Bởi đang khi khế với chân, thì không có pháp để đắc. Nói không có pháp mà tâm có thể phát, chứ chẳng có nghĩa là trong sự cũng không có ngôn giáo để có thể lắng nghe.

“Tu Bồ-đề! Nếu có pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu

Tam-bồ-đề, thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho Ta: Ông ở đời sau sẽ được làm Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần sau; trong phần giải thích thành có hai phần: Phần đầu là khước hiển; phần sau là thì thuận thành. Đây là phần đầu. Nghĩa là: Nếu ở chỗ Phật Nhiên Đăng có pháp đắc Bồ-đề, thì thành ra Hữu sở đắc. Hữu đắc tức là sở chấp Hữu, bởi sở chấp Hữu thì không khế với chân như. Không khế với chân như thì đó là hàng phàm phu làm sao thọ ký cho Ta? Chỉ do tâm chứng chân như; đối với hai trần ngã và pháp đều vô sở đắc. Bởi vô sở đắc, cho nên gọi là khế hội chân, bởi khế hội với chân, cho nên hai chấp đều hết; bởi đã hết cho nên được thành Phật. Nguyên do Phật Nhiên Đăng thọ ký cho, bởi biết Ta hội chân, vô sở đắc.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần hai. Ngôn ngữ của Phật Nhiên Đăng không xưng gọi là Bồ-đề, không thể như lời mà thủ lấy. Trong đó có hai phần: Phần đầu là phần thích; phần sau là thuận thành. Đây là phần đầu. Ý ấy có nghĩa là Thích Ca Như Lai không ở với lời của Phật Nhiên Đăng đã thuyết mà đắc Bồ-đề. Nghĩa là bởi trí chứng chân, vô sở đắc. Nếu Bồ-đề mà Phật Nhiên Đăng có thể thuyết, thì Thích Ca sẽ theo như lời mà thủ, vậy là có tâm chấp phân biệt, chưa khế với chân, làm sao Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta? Vì không như lời mà thủ đắc, cho nên mới thọ ký cho Ta.

“Vì thật không có pháp đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; do vậy, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta và nói lời này: Ông ở đời vị lai sẽ được làm Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni”.

Lời thuật: Đây là phần hai. Thuận thành.

“Vì sao? Vì Như Lai tức là nghĩa Như của chư pháp”.

Lời thuật: Đây là đoạn văn thứ hai theo Thế Thân.

Trừ mối nghi chệch là không có Phật. Trong đó, phần đầu nói rõ có Pháp thân, phần sau là chặn đứng hư thuyết. Đây là phần đầu.

Nghĩa là có người nghi rằng: Nếu không có Bồ-tát thì không có người thành Phật. Phật cũng không có! Để phá nghi này, cho nên nói là có Pháp thân. Bởi chúng sanh vọng chấp, cho năm uẩn thân. Kể trí hiểu rõ nó chóng hư hoại, đều không có thật. Chỉ có chân lý Thường mà lại chân như, cho nên là thường, hông biến khác. Vì là chân, cho nên Ly vọng, không điên đảo. Chân lý đó, nước lửa không thể làm hại, gió giặc không thể làm hư, có Phật hay không có Phật, thì tánh nó vẫn thường vậy. Nếu thuyết hay là không thuyết, nghĩa nó vẫn không đổi, chỉ vì vọng tưởng điên đảo của phàm phu, mà chấp thân thành ra là thân,

không quán lý của thân, chìm trôi dài lâu. Bậc thánh có cái biết đúng đắn, cho nên không dính mắc với thân, chỉ quán chân lý; đã có thể khế ngộ nên sanh tử vĩnh viễn tiêu, vọng che đều hết, bởi lý hiển hiện rõ ràng, nên gọi là Như Lai. Từ đó liền tỏ, chẳng còn là không Phật!

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần ba, giải thích nghĩa ly ngôn. Ng- hĩa là vì sao pháp kia bất khả thuyết? Bản lý của chư pháp, Như mà lại tịnh, Trí khế hội rồi mới chân, chẳng phải do ngôn thuyên mà có thể ngộ được.

“Nếu có người nói: Như Lai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì người ấy không thật ngữ”.

Lời thuật: Đây là phần chặn đứng hư thuyết: Phần đầu là chặn đứng lời người khác, phần sau là thành vô đắc. Đây là phần đầu. Như Lai đã là chân như, há lại dùng lời mà xưng là Thật sao? Cho nên, nếu nói là không thật ngữ, bởi là phân biệt!

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần bốn. Phá ngoại nghi.

Nghi rằng: Đức Thích Ca ở chỗ Phật Nhiên Đăng không đắc Bồ-đề, sau này mới tự. Vì để đoạn dứt thủ này; trong văn cũng chia làm hai phần: Phần đầu là vứt bỏ ngoại thủ kia; phần sau là tự tỏ vô đắc. Đã không có pháp để đắc, sao lại sau này có tự thủ! Cho nên tạo lời này, gọi là không thật. Nay trong kinh này, lộ ra chữ “Bất Thật ngữ”; những bản kinh khác đều có chữ này.

“Tu Bồ-đề! Thật không có pháp Phật đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

Lời thuật: Đây là đoạn văn thứ hai.

“Tu Bồ-đề! A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề mà Như Lai đắc, ở trong ấy vô thật vô hư”.

Lời thuật: Đây là đoạn văn thứ ba theo ngài Thế Thân. Trong đó, đầu là phá ngoại nghi chấp, phần sau là nêu dụ để tỏ thân. Phần đầu lại có đa phần, đầu tiên là nói về cái đắc được không thật, không giả. Phần tiếp theo là hiển bày; pháp duy chỉ Phật đắc. Phần cuối là tổng kết thành. Đây là phần đầu.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần thứ năm, nói về nghĩa của chân như bất nhị. Trong đó chia ba phần: Phần đầu nói về chân như nương lời mà ly lời. Tiếp đến là tỏ về pháp tính, pháp duy chỉ Phật đắc. Phần cuối là tổng kết. Đây là phần đầu.

Ngài Thế Thân giải thích: Có người chê bai, là Như Lai không đắc Bồ-đề. Để đoạn dứt mối nghi này, nên nói: Bồ-đề Như Lai đắc, không thật, không giả. Nghĩa là Như Lai đắc Bồ-đề đó, cho nên mới bảo là

không hư, bởi chẳng phải là thật tướng Hữu vi cho nên bảo là không thật.

Ngài Vô Trước giải thích: Vì không thể như lời mà thủ, cho nên không thật; cũng chẳng lừa lời để cầu, cho nên không giả phàm phu nói, nhưng hư vọng, cho nên không thật; chư Phật thuyết mà có thể nương cho nên không giả. Phàm phu nói thì không đắc, nên không thật. Dựa theo lời Phật nói thì có thể thuyết, nên không giả. Nếu lừa lời nói mà có cầu thì Bồ-đề không có Nhân, gọi là không thật. Vì phải nhân để nghe giáo mới đắc chứng, nên Bồ-đề có Nhân, gọi là không giả. Nếu như lời mà thủ thì dính mắc vào sanh tử không bao giờ ra khỏi; cho nên không thể như lời mà xưng là pháp, tất phải nhân ở lời mới khế với chân; chỉ có thuận lời Phật mà tu; thì sau này khi chứng hiểu sẽ tự ngộ.

“*Vì vậy, Như Lai thuyết tất cả pháp đều là Phật pháp*”.

Lời thuật: Đây là phần hai. Nói về. Pháp chỉ có Phật đắc.

- Tất cả pháp đó là bản thể chân lý của vạn pháp cho nên gọi là tất cả. Đều là Phật pháp là chỉ riêng một mình Phật chứng, người khác thì không được.

“*Tu Bồ-đề! Cái gọi là tất cả pháp tức phi tất cả pháp ; vì vậy mà gọi là Tất cả pháp*”.

Lời thuật: Đây là phần ba. Tổng kết thành.

Nói Tất cả pháp nghĩa là, pháp mà Phật chứng đắc tức chẳng phải tất cả pháp, là chẳng phải pháp mà người khác đắc hoặc là chẳng phải pháp thuộc tướng của sự phân biệt.

“*Tu Bồ-đề! Thí như thân người trưởng đại. Tu Bồ-đề nói: Bạch Thế Tôn! Như Lai thuyết thân người trưởng đại tức là phi đại thân, ấy gọi là Đại thân*”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân giải thích rằng: Đây là phần hai; Nếu dụ để tỏ rõ thân. Phần đầu là Phật nêu dụ, tiếp theo là Thiện Hiện thuận thành. Trưởng là dụ cho báo thân, các kinh khác cũng gọi là Diệu. Đại là dụ cho Pháp thân. Hai loại thân này do Ly sở tri chướng và phiền não chướng, thứ tự mà đắc.

- Thuyết thân người trưởng đại đó là Báo thân và Pháp thân.

- Tức phi đại thân là chẳng phải thân của các vọng tưởng phân biệt.

Ngài Vô Trước giải thích: Từ đây về sau là sai biệt thứ mười bảy: Vì để nhập chứng đạo. Lại tức là trú xứ thứ năm trong tám loại trú xứ vì để tịnh tâm. Nghĩa là: Bốn trú xứ, mười sáu sai biệt trên là Địa tiền Tín hạnh địa. Phàm phu tu một tăng-kỳ. Còn đây là Tịnh tâm địa, thập

địa Bồ-tát tu. Trong đó, phần đầu là hiển bày khi nhập chứng đạo, đắc trí tuệ. Từ câu: "Cho nên Bồ-tát cũng như vậy" là nói về Ly mạn. Đây là phần đầu; nghĩa là: Nhập địa Bồ-tát đắc hai chủng trí:

1. Nhiếp chủng tánh trí.
2. Bình đẳng trí.

Nếu đắc trí thì được sanh vào ngôi nhà Như Lai, nhất định được nối dòng giống Phật. Đó là nhiếp chủng tánh trí. Pháp giới thanh tịnh là chỗ ở của Phật, gọi là ngôi nhà Như Lai. Nhập địa Bồ-tát lấy trí vô phân biệt để chứng hội ở trong đó, gọi là sanh vào. Như vậy Bồ-tát quyết định được nối dòng giống Phật, cho nên gọi là Nhiếp chủng tánh trí. Nên biết, vì Bồ-tát địa tiền chưa vào ngôi nhà Như Lai, tuy là con Phật nhưng còn sơ xa, không gọi là nối nghiệp dòng giống Phật. Người nhĩ thừa tuy cũng là con Phật nhưng chỉ cầu người, cũng chẳng nối nghiệp nối. Nhiếp luận nói: Người Thanh Văn như con ở vô trí. Tất cả phàm phu tuy cũng được Phật nhiếp thọ, cũng được che chở... thương xót, nhưng chưa phát Bồ-đề tâm, cho nên cũng chẳng nối nghiệp nối, chỉ nhập địa Bồ-tát sanh ra từ chính thân ruột chân pháp giới, mới nối nghiệp nối dòng giống Phật. Luận nói: "Nếu ở nhà đó đêm dài nguyện sanh; khi đã được sanh rồi, liền được thân kia".

- Ấy danh hiệu thân nghĩa là Địa tiền Bồ-tát ở nhà đó, đêm dài tinh cần mong nguyện, cho nên được nhập sơ địa, liền đắc Diệt thân.

- Bình đẳng trí lại còn có năm loại nhân duyên bình đẳng:

1. Thô xấu bình đẳng; nghĩa là đã nhập sơ địa rồi, thân nữ nhân, tám hữu ba cõi ác đều đã xả bỏ; cho nên đều bình đẳng cả.

2. Pháp Vô ngã bình đẳng; nghĩa là vì đắc lý nhĩ không bình đẳng.

3. Đoạn tương ứng bình đẳng; nghĩa là đoạn tánh, tức là Trạch diệt đã được, vì tương ứng với Đoạn cho nên gọi là Đoạn tương ứng bình đẳng.

4. Vô hy vọng tâm tương ứng bình đẳng; nghĩa là Kiến đạo tiền, học quán chân như. Hữu dục hy vọng, nhập sơ địa rồi, chứng chân pháp giới. Vô hy vọng tâm, bình đẳng với sở chứng mà tương ứng.

5. Tất cả Bồ-tát chứng đạo bình đẳng; nghĩa là như trăm sông khác dòng cùng chảy về Biển lớn sâu thẳm. Vạn hạnh tuy khác nhau, vừa nhập sơ địa, cùng chứng chân đại hải. Đạt được những bình đẳng đó, cho nên đắc thành Đại thân.

Giải rằng: Đây là đắc Nhiếp chủng tánh trí, tên gọi là Báo thân. Vì đắc bình đẳng nên tên gọi là Pháp thân. Diệt thân, Đại thân theo

thứ tự làm dụ.

“Tu Bồ-đề! Bồ-tát cũng như vậy! Nếu nói lời này: Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh thì không gọi là Bồ-tát”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là đoạn hai, giải thích mối nghi.

Trong đó có ba phần:

1. Sinh nghi về Bản tông; nghĩa là trước đã nói, không có pháp phát Bồ-đề tâm; thế thì Bồ-tát đã không có, thì cũng phải không có Bồ-tát thành tựu được Bồ-đề. Nếu không có chúng sanh thì giáo hóa ai để nhập vào Niết-bàn? Nếu không có Bồ-tát thì ai trang nghiêm Tịnh độ?

2. Nhân ở phá nghi này mà khởi nói: Bồ-tát không thấy đó là chúng sanh, không thấy Ta là Bồ-tát,... Thế thì Như Lai không thấy; cho nên gọi là không có chúng sanh, thật không có chúng sanh v.v... mà Phật không thấy sao?

3. Có người nghi rằng: Vẫn nói là Tâm trú diên đảo. Nếu như vậy thì phước đức cũng diên đảo sao? Nếu là diên đảo thì cái gì là Thiện pháp? Vì nghi này cho nên kinh nói: “Nếu có bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới...”

Trong mỗi nghi thứ nhất gồm có ba nghi:

1. Nếu không có Bồ-tát thì chư Phật cũng không thành Bồ-đề.

2. Nếu không có chúng sanh thì cũng không nhập Niết-bàn.

3. Nếu không có Bồ-tát thì cũng không có trang nghiêm Tịnh độ của Phật. Đoạn này là giải thích hai mối nghi đầu. Trong đó; trước là nêu, sau là giải thích. Đây là phần trước.

Ý này muốn nói: Nếu Bồ-tát chấp rằng: Ta đắc Bồ-đề, có chúng sanh khác để độ, thì không thể gọi là Bồ-tát, vì có Ngã, Nhân,... Nếu thế thì làm như thế nào để đắc Bồ-đề? Làm sao để chúng sanh nhập Niết-bàn? Nghĩa là có chúng sanh giả; ví như người huyễn vì người huyễn mà thuyết pháp: Nghĩa là vì có năm uẩn hợp thành tạm gọi là chúng sanh mới làm cho đắc Vô dư Niết-bàn, bởi không có cái chấp chúng sanh thật, cho nên không thấy có chúng sanh để mà diệt độ.

Nghĩa là, có tạm mượn Bồ-tát mà cầu chứng, cho nên chư Phật đắc Bồ-đề nhưng, không có cái chấp Bồ-đề thật, cho nên cũng không có Bồ-tát. Kinh Niết-bàn phẩm mười ba nói: Năm ấm hòa hợp đặt tên là ông A, con người phàm phu cho là thật có tên gọi là Ông A. Còn người có trí, hiểu rõ ấm thì không có cái tên ông A đó. Lìa ấm cũng không có tên gọi ông A kia.

“Vì sao? Tu Bồ-đề! Thật không có pháp tên gọi là Bồ-tát, vì vậy

mà Phật nói; tất cả pháp là vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả.”

Lời thuật: Đây là phần hai, Giải thích.

- Không có pháp tên gọi là Bồ-tát; nghĩa là nếu có pháp đó thật, thì đều đã lấy pháp đó mà tác thành cho chúng sanh để có tên gọi là Bồ-tát. Pháp đã không có thật, thì cũng không có Bồ-tát đã thành.

- Phật thuyết tất cả pháp vô ngã, vô nhân, ... khi chứng chân, đạt lý vô ngã, không thấy có hai chấp là người và pháp, cho nên ấy là Bồ-tát.

Ngài Vô Trước nói: Trên là dụ như Diệu Thân, Đại thân,... để chỉ bày nhập chứng đạo. Còn đây là phần thứ hai nói về Ly mạn. Nghĩa là Địa tiên Bồ-tát tự cho rằng: Ta có thể tu hành,... mà chướng bất trú Đạo! Khi nhập địa rồi thì bỏ chứng, đạt pháp giới nhị không bình đẳng; sự phân biệt Ngã và Pháp, tất cả đều mất, mãi mãi không có sự kiêu mạn: Ta làm được, cho nên bảo là Ly mạn.

Luận nói: Nếu Bồ-tát có nhớ nghĩ chúng sanh thì không được Diệu thân, Đại thân. Diệu thân ở đây có nghĩa là đắc thân thành tựu, Thân đắc rốt ráo chuyển y. Đại thân ở đây có nghĩa là thân niết tất cả thân chúng sanh.

Thầy nói, chuyển y tức Niết-bàn Bồ-đề là chỗ đắc được.

“Tu Bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói lời này: Ta sẽ trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, thì ấy không gọi là Bồ-tát!”

Lời thuật: Thế Thân nói: Đây là phá nghi. Nghĩa là có người nghi rằng: Nếu không có Bồ-tát thì không cần phải trang nghiêm Tịnh Độ. Trong đó có hai phần: phần đầu là nêu, phần tiếp theo là giải thích. Ở đây là phần đầu.

Ý đó muốn nói: Như muốn trang nghiêm tịnh Phật độ tất phải trang nghiêm tịnh tự tâm. Nghe kinh học huệ, chứng pháp lý chân, trừ bỏ nhị chướng, nội tâm tịnh, nên ngoại độ cũng tịnh. Bởi lý do đó, mà ngài Loa-Kế thì thấy tịnh, mà ngài Xá-lợi-phất thì thấy là uế, chỉ vì nội tâm có uế, tịnh khác nhau mà ngoại độ cũng có tịnh uế khác nhau; cho nên nếu trang nghiêm tịnh Phật độ thì trước hết phải trừ hai chấp Ngã và Pháp. Sự phân biệt Ngã và Pháp đã mất thì trong đủ trang nghiêm, ngoài trú bảy báu. Nếu nói: Ta phải trang nghiêm thế thì ngã chấp chưa mất, không gọi là Bồ-tát. Cho nên Luận nói: “Trí tập Duy Thức thông”. Lại nữa, Bồ-tát Vô Cấu Xứng cũng nói: “Bởi tâm tịnh...”. Lại nói: Nhẫn nhục, Trì giới,... thập thiện đạo,... là Bồ-tát Tịnh Độ”.

“Vì sao? Như Lai nói trang nghiêm Tịnh Độ tức phi trang nghiêm,

Ấy gọi là trang nghiêm.”

Lời thuật: Đây là phần giải thích; trong đó có hai phần: Phần đầu nói rõ vô tướng là chân trang nghiêm; phần sau nói đạt lý là chân Bồ-tát. Đây là phần đầu.

- Như Lai thuyết trang nghiêm là trang nghiêm thuộc vô tướng.

- Tức phi trang nghiêm chẳng phải là trang nghiêm thuộc Hữu tướng.

- Ấy danh trang nghiêm là chân thật trang nghiêm.

“Tu Bồ-đề. Nếu Bồ-tát thông đạt vô ngã pháp, Như Lai thuyết danh là chân Bồ-tát”.

Lời thuật: Đây là đoạn văn thứ hai: Nếu Bồ-tát đạt Ngã, Pháp đều không, chứng lý vô ngã, là chân Bồ-tát, cũng là chân trang nghiêm. Nếu còn có ngã, pháp thì vốn phi Bồ-tát, nên cũng phi trang nghiêm.

Ngài Vô Trước nói: Từ đoạn này về sau đều thuộc về phần cầu Phật Địa. Nghĩa là từ đoạn này về sau, cho đến cuối kinh, trong sai biệt thứ mười tám; trong trú xứ là trú xứ thứ sáu: Cửu cánh trú xứ. Trong ba địa là địa thứ ba: Phật địa. Trong đó có sáu phần:

1) Quốc độ tịnh cụ túc. Kinh nói: “Nếu Bồ-tát nói lời này: Ta phải trang nghiêm...”

2) Vô thượng kiến trí cụ túc. Kinh nói: “Như Lai có nhục nhãn không?...”

3) Tùy Hình hảo thân Cụ Túc. Kinh nói: “Phật có thể lấy sắc thân cụ túc để thấy không?”

4) Tướng thân cụ túc. Kinh nói: “Như Lai có thể lấy chư tướng cụ túc để thấy không?”

5) Ngữ cụ túc. Kinh nói: “Ông đừng cho rằng Như Lai tác niệm ấy...”

6) Tâm cụ túc. Kinh nói: “Có nhiều chúng sánh ở đời vị lai...”. Đây là phần một.

Ý muốn nói: Các Bồ-tát ở tiền Thập địa; tu hành viên mãn; đoạn trừ hai chấp, Nhân và Pháp. Thành tựu Pháp thân Bồ-đề, gọi là Quốc độ tịnh cụ túc. Trong văn chia làm bốn phần:

1. Vì để quốc độ tịnh cụ túc tam ma bát đề: Kinh nói: “Bồ-tát nói lời này...”

2. Vì để đoạn dứt kia mà An lập Đệ Nhất Nghĩa. Kinh nói: “Như Lai thuyết trang nghiêm...”

3. Vì để hai thứ vô ngã. Kinh nói: “Nếu Bồ-tát thông đạt vô ngã, pháp”.

4. Vì để ở trong hai thứ vô ngã kia, hai loại chánh giác. Kinh nói: “Như Lai thuyết danh chân là Bồ-tát” Những thứ đó làm thế nào hiển thị. Nếu nói: “Ta thành tựu” tức còn thủ Nhân, Ngã. Nếu nói: “Trang nghiêm Quốc độ” là còn thủ pháp, ngã; đó là phi Bồ-tát vậy!

***“Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có nhục nhãn không?
Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Như Lai có nhục nhãn!”.***

Lời thuật: Thế Thân nói: Đây là phần phá mối nghi thứ hai. Nghĩa là có người nghi rằng: Trước nói Bồ-tát không thấy kia là chúng sanh; không thấy Tướng làm Bồ-tát, không thấy thanh tịnh Phật quốc. Vì sao? Vì các pháp đều Vô, cho nên không thấy? Vì chư Phật tự mình không thấy? Trong đoạn văn này có hai phần: Phần đầu nói; Phật hữu năng kiến, cho nên thuyết về năm loại nhãn. Phần sau, từ câu: “Như trong Hằng hà sa...” là nói về Hữu sở kiến năm nhãn. Trong phần đầu, năm nhãn được nói thành năm đoạn văn; trong mỗi một đoạn văn; đầu là Phật hỏi, sau là Thiện Hiện đáp. Đây là phần đầu, nói có nhục nhãn. Ngài Vô Trước nói: Dưới đây là phần hai. Vì để cụ túc vô thượng kiến trí tịnh. Văn trong đó lại chia ba phần: phần một nói: Để cụ túc vô thượng kiến tịnh, cho nên nói. Phật có năm nhãn. Phần hai từ câu: “Như trong Hằng hà” là nói: Để cụ túc vô thượng trí tịnh, cho nên thuyết: “Phật biết tâm chúng sanh”. Phần ba từ câu: “Nếu có đông người...” là nói: Để cụ túc phước tự tại. Trong phần một, năm nhãn thành năm đoạn như trên.

Nghĩa là: Ngoại đạo có người nghi rằng: Văn nói là lấy trí vô phân biệt, nội chứng chân lý, là chân lý là chân trang nghiêm; đối với các tướng bên ngoài, khi chứng chân lý đều hoàn toàn không thấy. Là Phật chỉ có tuệ nhãn để quán lý, không có các nhãn khác sao? Để giải thích điều đó, cho nên mới nói là Phật có năm nhãn.

Luận lại nói: Trong đó, lược thuyết có bốn loại nhãn: Sắc nhiếp; Đệ Nhất nghĩa đế nhiếp; Thế đế nhiếp; Nhất thiết chủng, Nhất thiết ưng tri nhiếp. Sắc nhiếp lại có hai loại, là Pháp quả và Tu quả, bởi đó là cảnh giới thô của năm nhãn mà đầu là sắc nhiếp. Giải rằng: Nhục nhãn và Thiên nhãn lấy sắc căn làm tánh. Nghĩa là Tịnh sắc do tứ đại tạo ra, hoặc Dị thực trưởng dưỡng, gọi là Nhục nhãn; đó gọi là pháp quả; nó thông với giới khác và Tứ thiền. Nếu tu thiền trừ sự bưng bít mà đắc thì đó gọi là tu quả. Chỉ tứ thiền địa mới có. Ngh’ a là với các sắc trong, ngoài, hai biên, lý, biểu, trên, dưới đều có thể thấy được; luận nói: Đệ Nhất nghĩa trí lực, cho nên, Thế trí không điên đảo chuyển. Vì vậy mà trước tiên là Đệ Nhất nghĩa đế nhiếp. Trong đó vì người thuyết pháp,

theo như pháp đó mà thuyết cho người đó, thì đó gọi là pháp nhãn. Nghĩa là phải có tuệ nhãn quán lý. Pháp nhãn là biết căn cơ, vì người mà thuyết pháp đặc không điên đảo. Ý đó muốn nói: Sở thuyên, năng thuyên, quán lý, quán sự, quán lý biết cơ, như thứ tự là tuệ pháp nhãn. Luận nói: Trong nhất thiết ứng tri, nhất thiết chủng vô công dụng trí, gọi là Phật nhãn. Long Thọ Bồ-tát nói: Theo sự sai biệt của con người; nghĩa là với phàm phu gọi là nhục và thiên nhãn; với nhị thừa gọi là tuệ nhãn; với Bồ-tát gọi là Pháp nhãn; với Như Lai gọi là Phật nhãn.

“Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có thiên nhãn không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Như Lai có thiên nhãn.

Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có tuệ nhãn không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Như Lai có tuệ nhãn.

Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có pháp nhãn không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Như Lai có pháp nhãn.

Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có Phật nhãn không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Như Lai có Phật nhãn!”

Lời thuật: Đây là phần nói có bốn nhãn sau. Giải thích nghĩa như trên.

“Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Toàn bộ cát trong sông Hằng, Phật nói là cát không?”

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Trên nói Như Lai có năm nhãn, là nói về Hữu Năng kiến. Dưới đây là nói về, biết nhiều loại sai biệt của chúng sanh, cũng là hiển bày về Hữu sở kiến. Nghĩa là ; không có Biến kế sở chấp thật có chúng sanh mà có thể độ có thể thấy, chứ chẳng phải vô nhân duyên giả chúng sanh mà có thể thấy. Dù vô tác dụng duyên, mà vẫn có công năng duyên khả đắc. Nghĩa là, về mặt nhân quả, không thấy cái chấp thật Nhân, pháp kia khả đắc, cho nên bảo chúng sanh và quốc độ không.

Chẳng phải Phật không có mắt mà không thấy; cũng chẳng phải thật không có chúng sanh để thấy, vì có giả pháp nhân duyên điên đảo hư vọng kia. Ở trong đoạn văn này có năm phần: 1. Phật hỏi cát sông Hằng; 2. Thiện Hiện đáp là cát; 3. Lấy cát sông Hằng làm Dụ để hỏi; 4. Thiện Hiện đáp rất nhiều; 5. Phật quảng thành. Đây là phần một.

Ngài Vô Trước nói: Trên đây là chứng trong ứng tri mà an lập kiến. Vì để dạy tịch tĩnh tâm cho những chúng sanh đó, mà an lập trí nghĩa là ; lấy nhục nhãn và thiên nhãn làm tiền đạo mà khởi huệ; pháp nhãn thì quán lý tri cơ, vì người mà thuyết pháp. Trước thuyết là vì để kiến tịnh mà hiển chứng. Nay thuyết vì để trí tịnh mà hiển giáo thọ.

Nghĩa là: Trong chúng sanh như có người tham tâm, có người không tham tâm... Như Lai đều đã quán biết để giáo thọ họ, khiến họ xả bỏ nhiễm mà tiến đến thiện.

“Toàn bộ cát, Phật có nói là cát không?” Nghĩa là ở trong nhân duyên cát, Phật có nói là cát, thì có bị chấp thật đó không? Ý câu hỏi này là như vậy.

“Bach Thế Tôn! Đúng vậy! Như Lai nói là cát”.

Lời thuật: Đây là phần Đáp.

“Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Toàn bộ cát trong một sông Hằng. Có những sông Hằng bằng số cát như vậy. Toàn bộ những sông Hằng ứng với số cát ấy bằng số thế giới chư Phật. Như vậy có nhiều không?”

Lời thuật: Đây là phần ba. Lấy cát dụ cho nhiều. Nghĩa là ở đây chỉ nêu một phần ít; xét thật thì chúng sanh không có biên hạn, chẳng phải chỉ như số cát ít ỏi vậy!

“Bach Thế Tôn! Rất nhiều!”

Lời thuật: Đây là đoạn văn thứ tư.

“Phật bảo Tu Bồ-đề:” Bao nhiêu thứ tâm của toàn bộ chúng sanh trong những quốc độ ấy, Như Lai đều biết rõ”.

Lời thuật: Đây là phần năm. Như Lai thành. Trong đó phần đầu là nêu, phần sau là giải thích. Đây là phần đầu.

- Bao nhiêu thứ tâm là tâm điên đảo thuộc sáu thức sai biệt; bởi các tâm hư vọng đều là điên đảo. Vì lìa thật niệm cho nên gọi là điên đảo. Ly thật niệm là xa lìa bốn niệm xứ, cho nên gọi là không trú thật trí kia. Những tâm như vậy, Như Lai đều biết rõ.

Ngài Vô Trước nói: Bao nhiêu thứ tâm, phải biết là có hai loại: Nhiễm và tịnh; tức là cộng dục tâm, ly dục tâm... Như Lai biết tâm những chúng sanh như vậy để cùng dạy bảo, khiến cho đoạn dứt ác khởi thiện, nên gọi là Trí tịnh; nên luận nói: Để dạy cho những chúng sanh ấy tịch tĩnh tâm mà an lập trí.

“Vì sao? Vì Như Lai thuyết các tâm đều là phi tâm, ấy mới gọi là Tâm”.

Lời thuật: Đây là phần giải thích; đầu là nói về điên đảo tâm, phi chân trú; sau là hỏi về tướng cửa hư vọng. Đây là phần đầu.

- Như Lai thuyết chư tâm trú, Nghĩa là hư vọng tâm.

- Đầu là phi tâm nghĩa là phi chân trú tâm; trú bốn niệm xứ thì gọi là chân trú; trú lý chân như là chân trú.

- Ấy danh là Tâm, là hư vọng điên đảo tâm.

Ngài Vô Trước nói: Trong trí tịnh đó, thuyết tâm trú tức phi tâm

trú; thế thì trong kiến tịnh, vì sao không thuyết Nhãn tức phi nhãn? Vì một trú xứ, cho nên sau khi kiến trí tịnh, thì an lập Đệ Nhất nghĩa, mà thành tựu được bước đầu.

Thầy nói: Bởi tâm của phàm phu, ban đầu vọng sau mới thành chân, cho nên ở trong trí tịnh thì thuyết là tâm trú, phi tâm trú, nhưng vừa đắc Phật nhãn, liền viên mãn cụ túc, không còn trước sau chuyển khác, cho nên không nói nhãn tức phi nhãn.

“Nguyên do vì sao? Tu Bồ-đề! Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là nêu sự tương tục điên đảo kia. Nghĩa là vì quá khứ và vị lai không thể nắm bắt; hiện tại tâm hư vọng phân biệt nên cũng không thể đắc. Như vậy đã tỏ rõ tâm kia trú điên đảo, các thức hư vọng. Đây là giải thích của ngài Thế Thân.

Ngài Vô Trước nói: Quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, hiện tại là Đệ Nhất nghĩa.

“Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Nếu có người đem bảy báu đây cả ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí; với nhân duyên ấy, đắc được phước nhiều không?”

Lời thuật: Thế Thân giải thích rằng: Đây là đoạn thứ hai: Nghi. Phần thứ ba của Văn.

Nghĩa là: Có người nghi rằng: Nói tâm trú điên đảo, nếu vậy phước đức cũng là điên đảo. Nếu là điên đảo sao gọi là thiện pháp? Để đoạn dứt nghi này, cho nên nói rõ là Tâm trú điên đảo nhưng những phước đức được thực hành thì phi điên đảo; vì lấy Phật trí làm căn bản, nên khi thực hành bố thí không chấp trước tự thân, ... chỉ cầu vô thượng Bồ-đề, do đó công đức rất nhiều. Trong đó phần đầu là Phật nói; tiếp đến là Thiện Hiện đáp; sau cùng là Như Lai thành. Đây là phần đầu.

Nghĩa là; nếu đem bảy báu bố thí để cầu được nghe Bát-nhã mà tu học, sẽ thành Phật; cho nên phước đức đó rất nhiều. Ngài Vô Trước nói: Đây là phần ba, để cụ túc phước tự tại, trong phần vô thượng kiến trí tịnh; nghĩa là: Nếu vì Bát-nhã mà thực hành bố thí, thì phước và pháp thành mãn.

“Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Người này nhờ nhân duyên ấy, đắc được phước đức rất nhiều”.

Lời thuật: Đây là phần Thiện Hiện đáp.

“Tu Bồ-đề! Nếu phước đức có thật, thì Như Lai không nói được phước đức rất nhiều. Vì phước đức vô, cho nên Như Lai nói là được phước đức nhiều”.

Lời thuật: Đây là phần cuối, Như Lai thành.

- Nếu phước đức có thật là nói, nếu vì Bát-nhã mà thực hành bố thí. Nếu vì tự thể mà thực hành bố thí, mà thật có thì Phật không nói là phước đức nhiều. Lấy thể không ba sự mà hành thí, không giống dính mắc ở quả báo mà hành thí, thì Như Lai nói là phước đức nhiều. Từ đó mà biết, lấy tiền của, mạng sống để bố thí không bằng thọ trì kinh này vì không làm cho mất tướng, không cầu Bồ-đề. Nghĩa là, khi xả bỏ thân mạng, chỉ có lợi ích cho một ít chúng sanh đói khát, chẳng thể làm lợi ích rộng lớn. Nếu có người trì Bát-nhã sẽ đắc được thành Phật, cứu giúp và làm được lợi ích rất nhiều; cho nên công đức thù thắng hơn vậy !

“Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể thấy Phật bằng sắc thân cụ túc không?”

Lời thuật: Thế Thân nói: Ở trên là phần phá các mối nghi sanh ra ở bốn xứ đã xong. Dưới đây là phần hai, gồm có bốn mối nghi, do quá trình giải thích nghi phát sanh. Đây là đoạn lớn thứ ba nói về phá nghi hiển hiện trong triển chuyển thứ nhất của đoạn lớn. Trong đoạn văn này có ba phần: 1. Mối nghi cho thân tướng tốt là Phật; 2. Từ câu: “Ông đừng cho rằng...” nghi Phật có nói; 3. Từ câu: “Có nhiều chúng sanh ...” nghi không có người tin. Đây là mối nghi thứ nhất.

Nghi rằng: Nếu chư Phật dùng vô vi pháp mà đắc danh, thì sao chư Phật thành tựu tám mươi vẻ đẹp và ba mươi hai tướng tốt, mới gọi là Phật?

Giải rằng: Đây là do ở câu nói trước: “Như Lai tức các pháp chơn như” mà sanh nghi.

Trong đó có hai phần: Phần đầu phá nghi về sắc thân; phần sau là phá nghi về tướng tốt. Trong phần đầu lại có hai phần: Phật hỏi và Thiện Hiện đáp. Đây là phần Phật hỏi.

Ý hỏi rằng: Pháp thân chân Phật, có thể tạo nên báo thân, hình đẹp tốt mà thấy được chăng? Lại nữa, có thể tùy vào một tâm hào quang tròn đầy sắc thân đẹp tốt để thấy Pháp thân Phật chăng?

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần ba, vì để cụ túc tùy hình hảo thân. Ý hỏi rằng: Phật tùy cơ mà có Báo thân, Hóa thân, sắc thân theo đó mà đẹp tốt. Chân lý pháp cũng có những sắc tánh tốt đẹp của sự vô sai biệt. Nay hỏi là có thể dựa vào sự sai biệt hình tốt để thấy được pháp thân không? Vì muốn khiến cho chúng sanh bên trong chứng được Pháp thân viên mãn, bên ngoài đắc cái thân hình đầy đủ, đẹp tốt, cho nên có đoạn văn này.

“Bạch Thế Tôn! Không ạ! Không nên dựa vào sắc thân cụ túc

mà thấy Như Lai”.

Lời thuật: Đây là phần Thiện Hiện đáp. Trong đó, trước là nêu, sau là giải thích; đây là phần trước.

“Vì sao? Như Lai nói sắc thân cụ túc tức tức phi sắc thân cụ túc, ấy danh là sắc thân cụ túc”.

Lời thuật: Đây là phần giải thích.

- Như Lai nói cụ túc sắc thân là những Báo thân, Hóa thân.

- Tức phi sắc thân cụ túc, tức chẳng phải là sắc thân pháp tánh cụ túc.

- Ấy danh là sắc thân cụ túc tức tên gọi Báo thân, Hóa thân.

Ngài Vô Trước nói: Tùy cơ hiện hình, mà có các hình tốt của Báo thân và Hóa thân. Bên trong chứng vô tướng mà có sắc tánh tốt của Pháp thân. Bởi Nội chứng pháp tánh sắc thân. Bên ngoài các thân hình tốt đều được viên mãn, thế nhưng các thân thuộc hình tốt, chẳng phải là sắc thân cụ túc của pháp tánh. Nghĩa là: Pháp thân giống như hư không, tuy nó không có hình tướng nhưng nó hiện hình ảnh lập lờ như ở trong gương. Pháp thân cũng như vậy, tuy nó không có hình tướng nhưng ở trong gương Trí nó hiện Báo thân hoặc Hóa thân.

“Tu Bồ-đề! Có thể lấy các tướng cụ túc để thấy Như Lai được không?”

Lời thuật: Thế Thân nói: Đây là phần hai, phá mối nghi sanh ra ở tướng tốt. Trong đó; trước là hỏi, sau là đáp. Đây là phần trước hỏi. Ý hỏi rằng: Có thể dựa vào ba mươi hai tướng để thấy Pháp thân vô tướng của Phật không?

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần bốn, vì để cụ túc tướng thân.

Ý hỏi rằng: Phật có ba thân: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Báo thân và Hóa thân có ba mươi hai tướng khác nhau; Pháp thân cũng có tướng của pháp tánh vô sai biệt. Nay hỏi, là có thể lấy các tướng tốt sai biệt để thấy Pháp thân không?

“Bạch Thế Tôn! Không ạ! Không thể lấy các tướng cụ túc để thấy Như Lai”.

Lời thuật: Đây là phần đáp; mà phần đầu là nêu.

“Vì sao? Vì Như Lai nói các tướng cụ túc, tức chẳng phải cụ túc, ấy mới gọi là các tướng cụ túc”.

Lời thuật: Đây là phần Giải thích.

Ngài Thế Thân nói: Như Lai nói các tướng cụ túc đó là ba mươi hai tướng sai biệt.

- Tức phi cụ túc là chẳng phải Tướng cụ túc vô sai biệt của Pháp

thân.

- Ấy danh chư tướng cụ túc là tướng ngoại hình.

Ngài Vô Trước nói: Pháp thân tuy không có hình tướng nhưng có tướng của pháp tánh. Lý đẹp gọi là tướng. Ở trong ngoại hóa cũng có hình tướng, vì để cho chúng sanh đắc được thứ viên mãn này. Nghĩa là bên trong chứng chân lý tướng của vô tướng, mà bên ngoài có đủ các tướng của Hữu tướng; nhưng tướng của Hữu tướng thì chẳng phải là tướng của vô tướng; ấy mọi gọi là chư tướng cụ túc.

“Tu Bồ-đề! Ông đừng cho Như Lai tạo niệm như vậy: Ta đang Hữu sở thuyết pháp”.

Lời thuật: Thế Thân nói: Đây là phần ba nói về Nghi trong đoạn văn lớn thứ hai.

Có người nghi rằng: Nếu sắc thân cụ túc của Như Lai đã thành tựu không thể thấy được; nếu tướng đã thành tựu không thể thấy được; thì sao Như Lai lại thuyết pháp? Để phá mối nghi này, trong đó phần đầu là khuyên đừng hoài nghi, phần tiếp là người nói báng Phật, phần cuối là kết thành. Đây là phần đầu.

- Phật bảo Tu Bồ-đề: Ông đừng cho rằng, Pháp thân Như Lai tạo ra niệm thế này: Ta đang Hữu sở thuyết. Bởi Pháp thân Phật vốn không có niệm, cũng không có cái để thuyết.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần năm; để cụ túc Ngũ. Nghĩa là: Hóa thân và Báo thân tùy cơ mà có ngôn thuyết. Pháp thân u tịch, vô thuyết, vô hình. Bên trong chứng lý không lối, bên ngoài vì người khác mà thuyết, để đắc được cái đó mà nói là để cho cụ túc Ngũ.

“Đừng tác niệm ấy! Vì sao? Nếu người nói Như Lai hữu sở thuyết pháp tức là chê bai Phật; bởi không hiểu được những điều Ta đã nói”.

Lời thuật: Đây là đoạn văn thứ hai. Nghĩa là: Nếu có Pháp thân, có pháp được thuyết, tức là chê bai Phật, bởi lặng lẽ thì không lời.

Hỏi: Nếu vậy, sao trước nói là Ứng, Hóa chẳng phải chân Phật, vậy cũng phi thuyết pháp sao?

- Đáp: Bởi kia mà thời công thì phải quy về gốc. Phải nội chứng chân thuyết, ở ngoài mới có thể thuyết. Cho nên bảo Pháp thân vô thuyết, là chân thuyết vậy.

Hỏi: Vì sao kinh Lăng Già lại nói: Pháp thân thuyết pháp ly tướng ly ngôn. Báo thân thuyết pháp mười địa, pháp sáu Ba-la-mật. Hóa thân thuyết pháp tam thừa. Theo đó, thì Pháp thân cũng thuyết pháp sao?

- Đáp: Thuyết có hai loại: Một là khởi tác thuyết. Nghĩa là thuyết

cái Hữu thuyết. Hai là, vô khởi tác thuyết; Nghĩa là, thuyết cái vô thuyết. Trước là Báo, Hóa thân - sau tức là Pháp thân. Kia là căn cứ theo bất thuyết mà thuyết; này thì dựa theo Hữu thuyết mà thuyết. Vì vậy mà không trái ngược nhau.

Làm sao Pháp thân thuyết cái bất thuyết? Bởi chúng sanh chứng đạt lý, cho nên hiểu rõ tất cả danh mà Pháp thân thuyết. Như nghe thuyết pháp mà liễu đạt, gọi đó là thuyết; giống như có người hoặc nói hoặc không nói, nhưng vẫn khiến cho người khác hiểu rõ, đó gọi là thuyết pháp.

“Tu Bồ Đề! Thuyết pháp là vô pháp để thuyết, ấy gọi là thuyết pháp”.

Lời thuật: Đây là phần Kết.

- Người thuyết pháp ấy là người nêu chung những pháp để thuyết.

- Vô pháp khả thuyết là trong chân lý, không có một tí pháp nào có thể thuyết được. Nghĩa là: Phải đạt biến kế sở chấp không vô mà thuyết, ấy mới gọi là thuyết pháp. Nếu chấp Chân Như là thật vô thuyết tức phi thuyết pháp vậy!

- Ngài Vô Trước nói: Báo, Hóa có thuyết. Pháp thân vô thuyết. Nếu nói Pháp thân có thuyết như Báo, Hóa thân; tức là chê bai pháp Phật.

“Bây giờ, Huệ mệnh Tu Bồ-đề bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Chúng sanh ở đời vị lai nghe thuyết kinh này có sinh ra tín tâm không?”

Lời thuật: Xá-vệ bị sót đoạn này. Thế Thân nói: Đây là mối nghi thứ ba trong đoạn văn lớn thứ ba.

Có người nghi rằng: Nếu nói chư Phật thuyết là vô sở thuyết, pháp không lìa với Pháp thân, thì Pháp thân ấy cũng là không; có hạng người nào, có thể tin được pháp giới sâu thẳm như vậy sao? Trong phần giải thích nghi này, phần đầu Thiện Hiện hỏi; phần kế tiếp Như Lai đáp. Ở đây là phần đầu.

Ngài Vô Trước nói: Trong cụ túc tâm thứ sáu, lại có sáu loại: 1. Niệm Xứ; 2. Chánh Giác; 3. Thí thiết đại lợi pháp; 4. Nhiếp thủ Pháp thân; 5. Bất trú sanh tử, Niết-bàn; 6. Hành trú tịnh. Đây là phần một Ý hỏi rằng: Như Lai ở tại thế gian, từ bi, bình đẳng, vì chúng sanh mà thuyết, người nào nghe mà khởi suy niệm, như lý mà tác ý, như pháp mà tu hành, pháp tùy pháp hành, sẽ được thành Phật. Năm trăm năm sau, sau khi Như Lai diệt, các chúng sanh xấu, khi nghe thuyết kinh này, có

sanh tín khởi ở tư niệm như khi Phật còn tại thế hay không? Phật đáp: Có! Vì để hiển bày là có chúng sanh có thể tư niệm, cho nên gọi là niệm xứ.

“Phật bảo Tu Bồ-đề: “Kia phi chúng sanh, phi bất chúng sanh”.

Lời thuật: Đây là phần hai; Phật đáp. Trong đó, trước là nêu, sau là giải thích. Đây là phần trước.

- Kia phi chúng sanh tức chẳng phải là các chúng sanh Xiển đề không có Phật tánh...

- Phi bất chúng sanh là chúng sanh nghe Bát-nhã phát tâm thành Phật.

Ngài Vô Trước nói: Kia phi chúng sanh là Đệ Nhất nghĩa. Phi bất chúng sanh là Thế đế. Chúng sanh, chúng sanh là hiển thị thuyết Đệ Nhất Nghĩa; bởi bất cộng và tương ứng.

“Vì sao? Tu Bồ-đề! Chúng sanh, chúng sanh Như Lai thuyết phi chúng sanh, ấy danh chúng sanh”.

Lời thuật: Đây là giải thích.

Chữ chúng sanh trước, là chúng sanh phàm phu; chữ chúng sanh sau, là chúng sanh phát Bồ-đề tâm mà tu hành.

- Như Lai thuyết phi chúng sanh, đó chẳng phải là xiển đề chúng sanh không có Phật tánh.

- Ấy danh chúng sanh là chúng sanh Phật tâm. Ý trên đây nói: Ở kinh điển này mà sánh tín tâm, tức là chúng sanh phát tâm tu hành thành Phật, chẳng phải là chúng sanh vô tánh.

“Tu Bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là vô sở đắc sao?”

Lời thuật: Thế Thân nói: Đây là trong đoạn văn dài, phá mối nghi thứ tư, tức là mối nghi thứ hai trong giải thích thứ hai. Trong đó có hai mối nghi. Đây là mối nghi đầu.

Có người nghi rằng: Nếu Như Lai không đắc một pháp nào gọi là Vô thượng Chánh đẳng chánh giác; thì sao lại lìa bỏ thượng chứng ở trên mà chuyển đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Ở trong đoạn văn này có hai phần: Phần đầu là Thiện Hiện hỏi; phần sau là Như Lai biện xét về nghĩa. Đây là phần đầu.

- Là vô sở đắc sao? Chữ sao là từ để hỏi, không phải là từ bất định. Hỏi thẳng Phật rằng: Như Lai vô sở đắc sao? Cho nên Phật liền ấn ngay. Nếu là một từ bất định, thành ra hỏi là đắc hay không đắc (hay sao)? Thì Phật làm sao ấn ngay được. Cho nên ở đây ý hỏi là trong lý chân như,

Phật đặc Vô thượng, Bồ-đề không?

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần thứ hai; chánh giác; trong phần tâm cụ túc.

Tức và năng chứng, sở chứng. Quán chiếu Thật tướng. Vì vậy mà kinh Giải Thâm Mật có nói: “Bồ-đề! Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề”. Đại Trí Độ Luận cũng nói: “Thuyết trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã”. Vì muốn chúng sanh đoạn trừ hai chướng, đặc hai Bồ-đề mà có đoạn văn này. Bởi vậy mà gọi là chánh giác. Trong văn có năm phần: Đầu là hiển thị A-nậu-đa-la ngữ. Nghĩa là vô thượng giác, tức là Pháp thân Bồ-đề. Từ câu: “Lại nữa” là hiển thị Tam-miệu Tam-bồ-đề; đó là chánh giác, tức là báo thân Bồ-đề. Từ câu “Vô ngã, nhân...” là song thành hai điều trên. Trong phần đầu; trước là hỏi, sau là ấn. Đây là phần tước.

Phật nói: “Đúng vậy! Đúng vậy! Tu Bồ-đề! Ta đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cho đến một tí pháp cũng không có để đặc, ấy mới gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

Lời thuật: Đây là phần sau, Ấn. Nghĩa là; trong lý chân, không có như cái đã chấp; có ít sở đặc, gọi là Bồ-đề.

“Lại nữa, Tu Bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, ấy gọi là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-Đề”.

Lời thuật: Thế thân nói: đây là phần ba, xét hiện về nghĩa đó. Trong đó có ba phần: 1. Nói về không tăng giảm; 2. Hiển bày vô sai biệt; 3. Từ câu: “Tu tất cả thiện”, là tỏ rõ về phương tiện mãn lúc. Đây là phần một

- Pháp ấy bình đẳng là bởi lý chân như không tăng giảm.

- Không có cao thấp, nghĩa là pháp hữu vi thì có thủ có xả. Bồ-tát ở trong thập địa, được thắng vô lậu mà xả bỏ cái kém. Vô vi thì không có cái hơn kém để thủ xả, cho nên bảo là không có cao thấp.

Ngài Vô Trước nói: Đây là hiển thị Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức là Chánh biến tri. Pháp ấy bình đẳng nghĩa là; tất cả chư Phật đặc chung một Bồ-đề, bởi trí không có sự hơn kém. Không có cao thấp, nghĩa là tất cả chư Phật khởi Hóa thân, các loài cùng ngang nhau, cho đến thọ mạng cũng ngang nhau.

Thầy nói: Bình đẳng là Pháp thân; cao thấp là theo báo thân, hóa thân. Nghĩa là Báo thân của tất cả Phật là báo thân ngang nhau. Hóa thân cũng vậy.

“Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần thứ hai: Hiển vô sai biệt.

Nghĩa là: Pháp của tất cả chư Phật là không có chấp Ngã, Pháp. Pháp thân bình đẳng không có sai biệt, như hơn kém !
 Ngài Vô Trước nói: Dưới đây là song thành hai điều trên. Phần đầu là thành A-nậu-đa-la Pháp thân Bồ-đề trên; Phần sau là thành Tam-miêu Tam-bồ-đề Báo thân Bồ-đề trên. Đây là phần đầu, có thể tự biết.

“Tu tất cả thiện pháp thì đắc A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề”.

Lời thuật: Thế Thân nói: Đây là phần ba, nói rõ về phương tiện mãn túc. Trong đó ; phần đầu là chánh hiển, phần sau là kết thành. Đây là phần đầu.

Nghĩa là: Phải thân cận thiện tri thức, lắng nghe, buộc niệm, như pháp mà tu tập, pháp tùy, pháp hành, thiện căn mãn túc, mới khắc chứng với chân lý. Gọi là thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề.

Ngài Vô Trước nói: Đây là thành Tam-miêu Tam-bồ-đề trên; trong đó, phần đầu là chánh thành, phần sau là kết thích. Đây là phần đầu.
 Nghĩa là: Trước nói Vô ngã,... là để trừ bỏ những chấp hữu đó. Nay nói tu thiện là để phá cái chấp không đó. Ngã, nhân đều không, thì cần phải vứt bỏ tự vọng tâm, nương ở viên hữu cần phải tồn giữ thiện pháp. Vì lẽ đó mà chỉ học hữu nhưng chẳng không, thì vọng tưởng theo đó càng tăng. Chỉ học không mà chẳng hữu, thì chân trí không có nhân mà không sanh. Diệt vọng tưởng ở cửa không, khởi chân tâm ở nhà Hữu. Song quán Hữu Không, mới thành Trung đạo.

“Tu Bồ-đề! Cái được gọi là thiện pháp, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, ấy gọi là thiện pháp”.

Lời thuật: Đây là đoạn văn thứ hai.

- Cái được gọi là thiện pháp; là thiện pháp cầu Bồ-đề, hoặc vô lậu pháp, thuận vô lậu pháp. Phi thiện pháp, chẳng phải là các thiện pháp thuộc hữu lậu sanh diệt.

- Ấy danh thiện pháp là xuất thế thiện.

“Tu Bồ-đề! Như trong ba ngàn đại thiên thế giới, toàn bộ Tu-di sơn vương, mà bảy báu tụ lại ngang bằng như thế. Nếu có người dùng để bố thí”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần hai: Phá nghi.

Có người nghi rằng: Nếu tất cả thiện pháp đầy đủ đắc Bồ-đề, thì pháp được thuyết không thể đắc đại Bồ-đề. Vì sao? Vì những pháp được thuyết là những pháp vô ký. Ý đó muốn nói: Giáo năng thuyên đó có tên gọi là câu, văn, thể là vô ký thì làm sao lắng nghe mà sanh ra thiện

được? Đó là mối nghi của người Tiểu thừa. Ở đây là phá mối nghi đó. Đầu tiên là nêu công đức; sau là lấy thọ trì kinh để so sánh. Đây là phần đầu. Ngài Vô Trước nói: Đây là phần thứ ba; Để thí thiết đại lợi pháp, trong phần tâm cụ túc. Trong đó có hai phần: Phần đầu là nói về đại lợi pháp; phần sau từ câu: “Các ông đừng cho rằng ...” là nói về lợi sanh. Trong phần đầu; trước nêu tài thí, sau lấy thọ trì để so sánh, hiển hiện phước lợi. Đây là phần trước.

“Nếu có người lấy kinh Bát-nhã Ba-la-mật này, cho đến chỉ lấy những bài kệ bốn câu mà thọ trì, đọc tụng và vì người khác mà thuyết, thì phước đức trước không bằng một phần trăm, ngàn, vạn ức phân, cho đến toán số thí dụ cũng không bằng được”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần Lấy thọ trì để so sánh. Kinh này đã lược bớt; các bản khác không giống ở đoạn này.

Ngài Thế Thân nói: Pháp này tuy nói là vô ký, nhưng có thể đắc Bồ-đề, vì lìa bỏ pháp được thuyết, thì không thể đắc đại Bồ-đề. Bởi pháp này có thể làm Nhân của Bồ-đề. Lại nói, vô ký thì không đúng, pháp người là vô ký, pháp Ta là Thiện. Đây là giải thích theo Tông kia. Phật ngữ là Thiện. Lại nữa, theo nghĩa Đại Thừa, vừa đắc Phật rồi thì âm thanh, danh từ, câu văn, đều là Thiện. Vì vậy khi vừa thọ trì, liền thành cái Nhân của Bồ-đề quảng đại, hơn cả vô lượng châu báu bố thí. Đó là chánh phá nghi trước.

Luận gia có bốn thứ so sánh Thắng: 1. Số thắng.; 2. Lực thắng. 3. Vô tương tự thắng; 4. Nhân thắng.

Giải rằng: Số thắng là lấy số để so sánh, Tiểu thừa thì có sáu mươi hai số. Hoa Nghiêm thì có một trăm hai mươi lần số. Ở phương này (Trung hoa) thì có mười lăm số. Nghĩa là; một, mười, trăm, ngàn, vạn... các số như vậy mà so sánh, đo lường những quả báo trong sanh tử đều có thể biết được. Nếu thọ trì kinh này sẽ đắc thành toàn bộ công đức Phật. Những con số đó chẳng thể đo lường, so sánh, cho nên gọi là số thắng.

- Lực thắng, gọi là Tình kế thắng. Nghĩa là những thiện quả thu gặt được thế gian Trời, Người, có bố thí,... thì Tình kế (tính toán theo ý tính) có thể biết được. Nay cái Nhân của sự thọ trì này, Tình kế không thể đo tính được.

- Bất tương tự thắng; nghĩa là Dụ thắng, phước quả ở thế gian có thể lấy thì dụ để dụ. Còn thắng quả đạt được do Nhân của sự thọ trì kinh điển, thì không thể lấy thí dụ mà dụ được.

- Nhân thắng là Thời thắng, phước quả ở thế gian có thể dùng thời

hạn để đo lường lâu mau; còn quả đắc được này, tận hết bờ mé vị lai, không có giới hạn khoảng thời gian thì không thể so sánh, đo lường. Ý ngài Vô Trước biết rồi vậy. Với sự so sánh này, thọ trì phước nhiều tức là Thí thiết Đại lợi pháp.

“Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Các ông chớ cho rằng Như Lai tác niệm niệm thế này: Ta sẽ độ chúng sanh.”

Lời thuật: Đây là đoạn nghi thứ ba trong khúc văn, tức là đoạn nghi thứ ba trong khi quá trình giải thích. Trong khúc văn đó có bốn phần. Đến đoạn văn sau sẽ biết. Đây là phần đầu.

Nghĩa là có người nghi rằng: Nếu pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, thì vì sao Như Lai gọi là vì độ chúng sanh? Đây là để phá nghi, trong đó; đầu là khuyên họ trừ nghi; sau là Quảng thành tự nghĩa. Đây là phần đầu.

Nghĩa là: Báo thân và Hóa thân thì tùy cơ, lợi vật, có cao, có thấp, có thể có tư niệm, sẽ độ chúng sanh, là bởi duyên với bốn nguyện từ bi. Pháp thân chân lý thì sâu lắng vô niệm, làm sao có niệm sẽ độ chúng sanh? Chỉ khởi trí tác chứng, tức gọi là độ. Lại nữa, Hóa thân tùy hiện, có thể rõ tư niệm của việc độ sanh. Báo thể đã lâu không có tư niệm phân biệt, làm sao khởi niệm? Bởi như ngọc ma-ni, tùy theo sự mong cầu mà mưa. Lại nữa, phàm phu chấp do chưa dứt bỏ mà nghĩ là Ta sẽ độ. Chư Phật sự phân biệt vĩnh viễn mất; việc tự nghĩ ta sẽ độ là không có; chỉ tùy chỗ hóa, ứng cơ thị niệm mà thôi. Vì như vậy, mà lại khuyên người đừng tạo cái nghi nữa! Lại nữa, trong chân lý hoàn toàn vô sở đắc. Cũng không có chúng sanh sẽ phải độ.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần hai, nói về sở độ chúng sanh; cách chia và giải thích đoạn văn này, đại ý không khác.

“Tu Bồ-đề! Đừng tác niệm ay; Vì sao? Thật không có chúng sanh để Như Lai độ.”

Lời thuật: Đây là phần hai trong thành tự nghĩa. Trong đó; phần đầu ủy dụ tâm đó, tỏ thật đạo lý. Phần sau là thành không thật độ thuyết giả ngã phi chân. Đây là phần đầu.

Nghĩa là; trong lý chân, không có chúng sanh để Như Lai có thể độ mà tùy ở ngoại hóa để độ giả sanh.

“Nếu có chúng sanh mà Như Lai độ, thì Như Lai có Ngã, Nhân, chúng sanh, thọ giả...”

Lời thuật: Đây là đoạn văn thứ hai. Trong đó; phần đầu là Thành không thật độ; tiếp theo là Ngã phi chân. Đây là phần đầu.

Nghĩa là: Nếu Như Lai thuyết thật có chúng sanh, thật có thể độ;

thì Ngã chấp chưa mất, không gọi là Phật!

“Tu Bồ-đề! Như Lai thuyết Hữu ngã tức phi hữu ngã, nhưng những người phàm phu cho là Hữu ngã”.

Lời thuật: Đây là phần hai; trong phần thuyết ngã phi chân. Phần đầu là nói Ngã chẳng chân, phàm phu vọng thủ. Phần sau nói phàm phu cũng chẳng thật, chỉ giả mượn, bày ra để nói. Đây là phần đầu.

- Như Lai thuyết hữu ngã nghĩa là nhân duyên hòa hợp tạm mượn để nói.

- Tức Phi hữu ngã tức chẳng phải cái ngã của chấp thật.

- Phàm phu cho là hữu ngã bởi chấp thủ ở đó.

Ý đó muốn nói: Như Lai thuyết hữu ngã là để trừ sự sợ hãi vô ngã. Cho nên khi mới bắt đầu tu tập là phải nương vào Ngã, sau khi đã lần lần khế với chân lý, thì tướng của Ngã tự mất. Nếu nói Vô Ngã duy dục tạo tu, Ngã liền không.

“Tu Bồ-đề! Phàm phu, Như Lai thuyết phi phàm phu”.

Lời thuật: Đây là phần hai: Nói Phàm cũng chẳng thật, chỉ giả bày để nói. Nghĩa là: Đối với những loại mà tham, sân, chưa mất; mà giả mượn danh thì gọi là phàm phu, chẳng phải như lời nói đó, tức phàm phu thật.

“Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể lấy ba mươi hai tướng để quán Như Lai không?”

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là đoạn nghi thứ ba, trong phần triển chuyển nghi. Trong đó, đoạn văn này có ba phần. Đây là phần đầu.

Nghĩa là, có người nghi rằng: Tuy tướng đã thành tựu, không thể thấy được Như Lai, nhưng chẳng phải là thể đó, lấy Pháp thân Như Lai làm thể, mà Pháp thân Như Lai nhờ kiến tướng mà thành tựu. So với cái biết đó, thì biết Pháp thân Như Lai là phước tướng thành tựu. Nghi này ý nói: Hai thân Báo và Hóa thì lấy Pháp thân làm thể. Báo thân, Hóa thân, bên ngoài đã có tướng tốt; lấy bên ngoài mà so bên trong thì biết Pháp thân bên trong cũng phải có tướng tốt của nó. Như thấy mặt người liền biết tâm sự. Trong đó, văn có năm phần: 1. Như Lai hỏi; 2. Thiện Hiện đáp không đúng; 3. Như Lai lại văn hỏi; 4. Thiện Hiện chánh đáp.

5. Nêu tụng để thành. Đây là phần một. Ý nói rằng: Có thể ở ba mươi hai tướng của Báo thân, Hóa thân mà quán Pháp thân Như Lai không? Ngài Vô Trước nói: Đây là phần thứ tư, vì nhiếp thủ Pháp thân, trong phần tâm cụ túc. Nghĩa là: Muốn khiến cho chúng sanh nội quán chân lý, thanh tịnh Pháp thân; ngoài tự đủ các hình tướng đó. Không thể

lấy những hình tướng đó mà quán Pháp thân Như Lai. Trong đoạn văn này có ba phần: Phần đầu là hỏi đq1p hiển bày sợ lược; phần tiếp theo là nêu tụng quảng thành; phần cuối là giải thích những vấn nạn của ngoại đạo. Trong phần đầu lại có bốn phần, như văn thế nhưng, theo các bản kinh khác, thì không có phần Thiện Hiệt đáp không đúng, cũng không có đoạn văn Như Lai hỏi lại.

“Tu Bồ-đề nói: Đúng vậy! Đúng vậy! Lấy ba mươi hai tướng để quán Như Lai.

Phật nói: Tu Bồ-đề! Nếu lấy ba mươi hai tướng để quán Như Lai, thì Chuyển luân thánh vương là Như Lai?

Tu Bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Phật thuyết, thì không nên lấy ba mươi hai tướng để quán Như Lai”.

Lời thuật: Nghĩa có thể tự biết vậy!

Bấy giờ Thế Tôn thuyết kệ:

*Nếu lấy sắc thấy Ta,
Lấy âm thanh cầu Ta,
Người ấy hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.
Như Lai kia, thể diệu
Tức pháp thân chư Phật.
Pháp thể không thể thấy
Thức kia không biết được!*

Lời thuật: Nêu hai tụng ở đây để thành nghĩa trước. Trong đó, bài kệ đầu nói: Không nên lấy sắc thân để quán Pháp thân Như Lai. Nếu thủ sắc thanh thì không khế với chân lý, là hành tà đạo, không thấy pháp Phật.

Bài kệ sau nói: Pháp thân là diệu thể, siêu vượt tâm tư, phàm phu không thể thấy, cái thức của sự phân biệt cũng chẳng thể biết được.

Kinh Niết-bàn nói: “Nương vào pháp, không nương vào người. Nương vào liễu nghĩa, không nương vào bất liễu nghĩa. Nương theo nghĩa, không nương theo lời. Nương theo trí, không nương theo thức”.(Tứ Y Pháp)

Ngài Vô Trước nói: Bài kệ đầu là hiển thị. Chỗ đã không nên thấy, thì không thể thấy. Bài kệ sau là hiển thị không nên thấy và nhân duyên không thấy được. Vì sao không thể thấy? Vì các kiến thức đế. Vì nhân duyên gì mà không thể thấy? Vì pháp kia là tướng của chân như. Chẳng phải ngôn thuyết mà biết, chỉ có tự chứng, những thuyết như vậy như luận!

“Tu Bồ-đề! Ông nếu tác niệm này: Như Lai không nhờ cụ túc tướng mà đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là đoạn ba trong quá trình giải thích nghi; tức nghi thứ hai của đoạn văn lớn.

Nghĩa là có nghi rằng: Nếu không nương phước đức để đắc đại Bồ-đề, thì chư Bồ-tát sẽ mất phước đức và quả báo. Nghi này có ý: Văn thuyết là nếu có người dùng bảy báu chất đống như núi chú Tu-di để bố thí, thì cũng không bằng người thọ trì kinh này dẫu chỉ một bài kệ bốn câu. Thế thì phước đức không đắc quả Bồ-đề. Đúng vậy, thì phước đức không, quả báo cũng không, pháp tức bị đoạn diệt; thế thì thân tướng tốt của Phật cũng không có, chỉ có lý Pháp thân không. Để đoạn dứt nghi này, trong văn có ba phần: Phần đầu là hiển bày tướng tốt chẳng không. Phần sau, từ câu: “Ông nếu tác niệm này...” nói nhân quả không mất. Phần cuối từ câu: “Nếu Bồ-tát lấy...” là so sánh công đức. Trong phần đầu có hai phần: Đầu là thuật về tâm nghi kia; sau là khuyên đừng tà niệm. Đây là phần đầu.

Thuật nghi kia cho rằng: Đã nhờ pháp làm Phật; thế thì không có hình tướng của Báo thân, Hóa thân.

Ngài Vô Trước nói: Đây tức là đoạn văn thứ ba, giải thích những nghi vấn của ngoại đạo, trong phần vi nhiếp thủ Pháp thân.

Luận nói: Nếu đúng, Như Lai tuy không lấy tướng cụ túc để thấy, nhưng lấy cụ túc tướng, làm nhân để đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Để lia bỏ chấp trước này, nên mới nói thể của tướng cụ túc chẳng phải Bồ-đề. Cũng không lấy tướng cụ túc làm nhân. Vì tướng là sắc tánh Trong đoạn văn đó, có hai phần: Phần đầu là nghịch chiêu tâm kia; phần sau là khiến cho trừ niệm. Đây là phần đầu.

Ý thuật niệm kia là: Pháp thân Như Lai nhờ cụ túc tướng làm nhân mà đắc. Nên bỏ chữ “bất” (không); Liễm năng đoạn và văn Ba-già-bà đều không có chữ “bất” (không).

“Tu Bồ-đề! Đừng tác niệm này: Như Lai không nhờ cụ túc tướng mà đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”

Lời thuật: Đoạn văn thứ hai.

Ngài Thế Thân nói: Ông đừng tác niệm này, Như Lai không lấy cụ túc tướng mà đắc Bồ-đề; bởi Báo thân, Hóa thân cụ túc tướng mà đắc.

Ngài Vô Trước nói: Đừng tác niệm này là khuyên bảo đừng sanh niệm ở trước là lấy tướng làm nhân mà đắc Pháp thân! Vì sao? Vì Như Lai không lấy cụ túc tướng làm nhân để đắc Bồ-đề. Cho nên luận nói:

“Bởi tướng là sắc tánh”. Nghĩa là phải lấy trí làm nhân, mới đắc Bồ-đề; chẳng dụng tướng, bởi tướng là sắc.

“Tu Bồ-đề! Ông nếu tác niệm này: Người phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thuyết các pháp đoạn diệt tướng.”

Lời thuật: Thế Thân nói: Đây là phần hai. Nói về nhân quả không mất. Trong đó; phần đầu là nói tâm kia; phần tiếp theo là khuyên dừng niệm phần cuối là giải thích nguyên do. Đây là phần đầu.

Nghĩa là, có người nghĩ: Không cần nương vào phước đức mà đắc đại Bồ-đề. Thế thì phước đức không có, quả báo cũng không có. Nếu vậy, người phát Bồ-đề tâm, liền thuyết chư Pháp đoạn diệt. Bởi không có nhân quả của phước đức.

“Đừng tác niệm ấy!”

Lời thuật: Đây là phần hai, khuyên dừng niệm.

“Vì sao? Người phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề ; đối với pháp không thuyết đoạn diệt tướng”.

Lời thuật: Đây là phần ba. Giải thích nguyên do.

Nghĩa là: Các Bồ-tát biết Nhân biết Quả, lìa bỏ Đoạn, Thường; chỉ không có cái chấp thật Nhân và Quả của phước đức. Chứ chẳng phải không có nhân duyên, chẳng phải Nhân Quả giả; chỉ chặn tác dụng duyên, chứ chẳng phải không có công năng duyên.

Ngài Vô Trước nói: Dưới đây là phần thứ năm, để không trú sanh tử và Niết-bàn; trong phần tâm cụ túc. Trong đoạn văn đó, có hai phần: Phần đầu nói về không xả sanh tử, phần sau từ câu: “Bồ-tát lấy ...” nói về không xả Niết-bàn. Trên là văn nói về phần đầu đã xong.

Nghĩa là: Vì không xả sanh tử cho nên không trú Niết-bàn; vì đã không xả Niết-bàn cho nên không trú sanh tử. Để đắc cái đó mà có đoạn văn này. Đối với pháp không thuyết đoạn diệt, nghĩa là Bồ-tát phát tâm biết nhân thuyết quả bỏ lìa Đoạn Thường, cho nên không thuyết đoạn diệt. Nghĩa là tuy đắc Niết-bàn vẫn trở lại trú sanh tử; cho nên không khiến đoạn sanh tử. Nếu đoạn diệt sanh tử tức giống Nhị thừa trú Niết-bàn. Vì vậy mà nói là không thuyết Đoạn diệt tướng.

“Tu Bồ-đề! Nếu Bồ-tát đem bảy báu đây cả Hằng hà sa số thế giới dùng làm bốn thí”.

Lời thuật: Ngài Thế Thân nói: Đây là phần So sánh công đức. Trong đó, đầu là so sánh chính, sau là giải thích nguyên do. Trong phần đầu, trước nêu bố thí, sau là lấy phước đức để so sánh. Đây là phần trước.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần hai, nói về không xả Niết-bàn.

“Nếu lại có người biết tất cả pháp vô ngã, đắc thành ở nhãn, thì Bồ-tát này công đức hơn cả Bồ-tát trước”.

Lời thuật: Đây là phần hai, lấy phước để so sánh.

Nghĩa là: Bởi nhờ liễu đạt nhị ngã không mà đắc nhãn; nên phước đó vượt quá công đức bố thí kia.

Đắc thành nhãn: Nhãn có ba loại: 1. Bốn tánh vô sanh nhãn. Nghĩa là Quán biến kế sở chấp hai tướng Nhân và Pháp vốn không có tự thể; 2; Tự nhiên vô sanh nhãn; là quán y tha giả nhân duyên, chẳng phải là tự nhiên sanh; 3. Hoặc khổ vô sanh nhãn: Quán ở chân như hoặc khổ vốn không sanh.

“Tu Bồ-đề! Vì các Bồ-tát không thọ nhận phước đức”.

Lời thuật: Đây là phần hai, giải thích nguyên do; trong đó phần đầu là Phật lược nêu để giải thích, tiếp đến là Thiện Hiện hỏi, cuối cùng là Phật đáp. Đây là phần đầu.

Không nhận phước đức nghĩa là những phước đức mà Bồ-tát thực hành, không dính mắc vào tự thể, ... chỉ mong xuất thế, cho nên bảo là không nhận.

“Tu Bồ-đề bạch Phật! Bạch thế Tôn! Vì sao Bồ-tát không thọ nhận phước đức?”

Lời thuật: Đây là phần hai, Thiện Hiện hỏi.

“Tu Bồ-đề! Những phước đức mà Bồ-tát tạo ra, không lẽ lại tham dính vào đó, cho nên mới nói là không thọ nhận phước đức.”

Lời thuật: Đây là phần Phật đáp. Do không tham dính vào tự thể ... trong khi hành phước đức cho nên mới nói là không thọ nhận.

“Tu Bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai lúc đến, lúc đi, lúc ngồi, lúc nằm; thì người ấy không hiểu nghĩa Ta đã thuyết. Vì sao? Vì Như Lai, có nghĩa là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu; cho nên gọi là Như Lai”.

Lời thuật: Thế Thân nói: Đây là khúc văn ba; giải thích mối nghi trong đoạn văn lớn thứ ba.

Nghĩa là có người nghi rằng: Nếu các Bồ-tát không thọ quả báo kia, sao lại nói là phước đức của Bồ-tát để cho chúng sanh thọ dụng? Ý đó là: Như Phật Thích Ca, xả bỏ năm phần tuổi thọ, để lưu lại phước đức cho chúng sanh vị lai. Từ đó mà biết Bồ-tát cũng thọ nhận phước đức! Sao lại nói là không nhận? Những Bồ-tát như vậy đã thọ nhận phước đức vô thượng! Trong giải thích nghi này, có bốn phần:

1. Nói về báo thân, hóa thân bên ngoài lợi vật, nên cũng nhận phước đức. Pháp thân không đến không đi, nên không thọ nhận phước

đức.

2. Từ câu: “Đập nát thành vi trần...” là nói Pháp thân chỉ có một hóa thân thì có nhiều.

3. Từ câu: “Nếu có người nói, Phật thuyết ngã...” là nói về Ngã và Pháp không thật.

4. Từ câu: “Nếu có người lấy...” là nói hóa thân có phước vô tận. Đây là phần một.

- Lúc đến nghĩa là khi thành đạo mà đến, lúc đi nhập diệt mà đi. Lúc ngồi là khi thuyết pháp làm lợi ích. Lúc nằm là xương diệt tướng. Hóa thân thì có những thứ đó, nhưng Pháp thân thì không; cho nên bảo là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Như mặt trăng trên nền trời ảnh hiện trong nước. Nước trong liền hiện, nước đục thì ẩn. Thế của mặt trăng vốn không đến không đi, chỉ do nước mà có sanh có diệt. Pháp thân vốn sâu lắng, do tâm mà thấy có đến có đi. Thầy nói: Pháp thân vốn không đến, do chúng sanh hưởng Phật nên thấy đến. Đó tức là không đến mà đến (đến cái không đến), cũng giống như cảnh xa thu đến gương đài, ngắm hình bóng mà mắt mà biết mặt mình. Pháp thân vốn không diệt, vì chúng sanh chán Phật, nên trong cái không đi mà thấy đi, cũng giống như chèo thuyền về Đông, thấy bờ chạy về Tây. Đó tức là không đi mà đi.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần sáu, vì tịnh hành và trú trong phần tâm cụ túc. Trong đó, lại có ba loại: 1. Oai nghi hành trú; 2. Pháp danh sắc thân tự tại hành trú; 3. Bất nhiễm hành trú. Đây là phần thứ nhất. Nghĩa là, hóa thân có hành và trú oai nghi, ... Pháp thân thì phong có những thứ đó. Hành tức là đến, đi. Trú tức là ngồi, nằm. Vì Pháp thân không có những oai nghi đó, cho nên bảo là không đến, không đi.

“Tu Bồ-đề! Nếu có Thiện nam tử thiện nữ nhân nào, lấy tam thiên đại thiên thế giới đập nát thành bụi trần, ý ông thế nào? Những bụi trần ấy có nhiều không?”

Lời thuật: Thế Thân nói: Đây là phần hai, nói về Pháp thân chỉ một mà Hóa thân thì nhiều. Trong đó, có hai phần: Phần đầu lấy bụi trần làm dụ, phần sau lấy thế giới làm dụ. Trong phần đầu; trước là Phật nói, sau là Thiện Hiện đáp. Đây là phần trước.

Trong dụ này, bao gồm hai ý: 1. Tụ trần dụ cho giới, như nắm năm ngón tay lại thành quả dấm; 2. Tán giới dụ cho trần; như mở xòe quả dấm thành ra năm ngón tay. Dụ một gọi là Tụ; Dụ hai gọi là Khai Dụ.

- Tụ dụ: Nghĩa là bụi trần dụ cho phiền não nhiều; tụ tập nhiều

bụi trần thành một thế giới là dụ cho việc đoạn dứt nhiều phiền não để thành một Pháp thân.

- Khai dụ; nghĩa là thế giới dụ cho Pháp thân, đập tan thế giới thành nhiều bụi trần, như nường ở một Pháp thân mà khởi vô lượng hóa thân.

Ở đây hỏi là nhiều, thì không mang hai ý trên.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần hai, phá danh sắc thân tự tại hành trú. Trong đó, có hai phần: Đầu nói hai loại phương tiện; sau là từ câu: “Nếu có người hỏi ...” là nhập tương ứng tam-muội bất phân biệt. Trong phần đầu có hai phần: Phần đầu là phá sắc thân phương tiện, phần sau là phá danh thân phương tiện. Trong phần đầu lại có hai: Trước nói về phương tiện cực nhỏ; sau là nói về phương tiện không chỗ thấy được. Trong phần trước lại có hai phần: Đầu hỏi, sau đáp. Đây là phần đầu.

“Nghĩa là lấy thế giới tách ra lần lần, cho đến lúc cực nhỏ thì có nhiều không? Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Vì sao? Nếu những bụi trần ấy thật có, thì Phật đã không thuyết bụi trần nhiều. Nguyên do vì sao? Phật thuyết bụi trần nhiều, tức phi bụi trần nhiều, ấy mới gọi là bụi trần nhiều”.

Lời thuật: Đây là phần hai.

Ngài Thế Thân nói: Chỉ mượn bụi trần làm thí dụ, chẳng phải như lời mà có thật, như vi thể sự đã chấp vào bụi trần.

- Phật thuyết bụi trần nhiều nghĩa là lấy bụi trần để dụ cho hóa thân.

Tức phi bụi trần là chẳng phải như những bụi trần mà ngoại đạo chấp thật.

Ngài Vô Trước nói: Vì để phá cái chấp hợp một. Quán giải tách phân cho đến lúc không thể tách phân, tạm nói đó là vi trần, chẳng thật có.

“Thế Tôn! Ba ngàn đại thiên thế giới mà Như Lai thuyết, tức chẳng phải thế giới, ấy gọi là thế giới.”

Lời thuật: Đây là phần hai, lấy thế giới dụ cho Pháp thân. Trong đó, có hai phần; trước là nêu, sau là giải thích. Đây là phần trước.

- Như Lai thuyết thế giới nghĩa là lấy thế giới làm dụ.

Tức chẳng phải thế giới là chẳng phải như ngoại đạo chấp. Có rất nhiều vật chất cực nhỏ, thật sự tu thành thế giới. Vì họ chấp rằng hai thứ cực nhỏ hợp lại sanh ra cái thứ ba. Có những thứ chấp như vậy!

Ngài Vô Trước nói: Đây là phá phương tiện danh và thân. Thế giới và thế gian chúng sanh. Kia chỉ là danh thân mà đắc danh.

“Vi sao? Nếu thế giới thật có, tức là tướng hợp một”.

Lời thuật: Đây là phần hai, giải thích trong đó, có hai phần: Đầu là hỏi vặn, sau là thuyết chẳng phải; cuối cùng là chấp thật. Đây là phần đầu. Nghĩa là: Nếu như có thế giới như đã chấp, tức chẳng phải là chấp, vì là chánh kiến, nên chẳng hư vọng. Vì không có thật mà chấp thật, nên tướng hợp một. Tướng hợp một, đó nghĩa là ngã chấp; là chấp một thân tổng tụ năm ấm cho đó là ngã, cho nên có tên gọi tướng hợp một.

“Như Lai thuyết tướng hợp một thì phi tướng hợp một, ấy danh tướng hợp một”.

Lời thuật: Đây là phần hai, thuyết chẳng phải.

Nghĩa là: Chỉ đối với giả uẩn nhân duyên hòa hợp ở trên, Phật mới tạm nói là hợp một, chứ chẳng phải như tướng hợp một đã chấp đó!

- Thị phi tướng hợp một tức chẳng phải là tướng hợp một do chấp, chỉ là giả nói. Hợp một đã chẳng phải, tức hiển rõ thế giới cũng chẳng có thật.

“Tướng hợp một, tức là không thể thuyết, nhưng những người phàm phu tham dính vào sự ấy”.

Lời thuật: Theo Thế Thân: Đây là phần ba. Nói về chấp thật.

Nghĩa là: Như Lai tạm nói tướng hợp một, phàm phu ở trong đó, khởi chấp là thật.

“Tu Bồ-đề! Nếu có người nói: Phật thuyết Ngã kiến, Nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ-đề! Ý ông thế nào? Người ấy hiểu nghĩa Ta đã nói không?”

Lời thuật: Theo Thế Thân: Đây là phần ba. Nói về pháp và ngã không thật.

Trong đó, có hai phần: Phần đầu nói về Vô ngã, phần sau từ câu: “Phát A-nậu-đa-la...” nói về vô pháp. Trong phần đầu; trước là Phật kể mối nghi của ngoại đạo kia, rồi hỏi hiểu không; sau là Thiện Hiện đáp. Đây là phần đầu.

Nghĩa là: Nhóm người Tiểu Thừa khi nói tất hữu thể. Tâm không duyên theo với vô. Bởi lời nói hữu thể, cho nên Phật thuyết Ngã kiến,... cho là có ngã thật, vì tâm không duyên với vô. Những nghĩa bị chấp đó, tất thành cái hữu kia, tạo thành lời nói này. Cho nên bảo là nếu có người nói.

Ngài Vô Trước nói: Từ đây là phần hai, nói về nhập tương ứng tam-muội bất phân biệt. Trong đó, phần đầu nói: Những thứ không phân biệt làm phương tiện cho nhập. Phần sau từ câu: “Phát Bồ-đề tâm”, là nói, người nào, pháp nào là không phân biệt. Trong phần đầu, thì trước

hỏi, sau đáp. Đây là phần trước.

“Bạch Thế Tôn! Không ạ! Người đó không hiểu nghĩa mà Như Lai đã thuyết. Vì sao? Vì Thế Tôn thuyết Ngã kiến, Nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến; Ấy mới gọi là Ngã kiến, Nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến”.

Lời thuật: Đây là phần đáp. Nghĩa là, ở các pháp vốn không có ngã, pháp, vọng tình của chúng sanh chấp mà thật có. Phật vì phá chấp kia; phải tùy theo vọng tình của họ mà thuyết giảng, nhiều lúc thuyết là Ngã là Pháp, nhưng chẳng cho rằng nói giảng tức có thật thể! Dù bảo tâm thủ, chẳng uống không chân. Nghĩa của Đại Thừa duyên với vô đắc mà sanh âm. Bởi ngôn thuyết không gọi là thật.

Nghĩa là: Thế Tôn tùy theo tình mà giải mở, mà giả nói Ngã và Nhân, chứ chẳng như chấp ấy, cho là thật hữu thể; cho nên bảo; tức phi Ngã kiến, nhân kiến...

Ấy danh Ngã kiến, đó là Như Lai giả, nói.

“Tu Bồ-đề! Người phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nên biết như vậy, nên thấy như vậy, nên tín giải như vậy. Với tất cả pháp không sanh pháp tướng”.

Lời thuật: Đây là phần hai, nói về vô pháp. Trong đó; phần đầu khuyên tri kiến; phần sau là tổng kết. Đây là phần đầu.

Nghĩa là: Nếu người phát tâm, khi chứng chân như, không thấy pháp tướng đã chấp, gọi là chánh trí.

Ngài Vô Trước nói: Người phát tâm Bồ-đề là hiển thị cho người nào đó không phân biệt. Với tất cả pháp là hiển thị cho Một pháp nào đó không phân biệt. Nên tri kiến,... như vậy, là hiển thị về tâm tăng thượng, trí tăng thượng, bởi ở trong vô phân biệt mà tri và kiến thắng giải. Trong đó, trí y chỉ ở Xa-ma-tha, cho nên Tri; Y chỉ trú ở Tỳ-bát-xá-na cho nên Kiến, bởi cả hai thứ đó đều y chỉ ở Tam-ma-đề; thắng giải là nhờ ở Tự tại. Giải phan duyên hình ảnh bên trong, thì đó gọi là Thắng giải. Nghĩa là tri và Kiến chỉ là một, vô phân biệt Trí tương ứng với ý. Nay nói Y chỉ quán là riêng biệt, căn cứ theo gia hạnh trước mà nói. Nghĩa là trước muốn tu chỉ mà phát trí gọi đó là tri. Muốn tu Quán mà sanh Trí, thì gọi đó là Kiến.

“Tu-bồ-đề! Cái gọi là pháp tướng, Như Lai thuyết tức chẳng phải pháp tướng, ấy mới gọi là pháp tướng.”

Lời thuật viết: Đây là tổng kết.

- Cái gọi là pháp tướng nghĩa là giả nói pháp tướng.

- Tức phi pháp tướng đó chẳng phải là pháp tướng của thật chấp.

“Tu-Bồ-đề! Nếu có người lấy bảy báu đây cả vô lượng a-tăng-kỳ thế giới đem bố thí. Nếu có Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát tâm Bồ-đát, đối với kinh này, cho đến chỉ bài kệ bốn câu, mà thọ trì đọc tụng, vì người khác mà diễn thuyết; thì phước đức đó hơn kia!”

Lời thuật: Theo Thế Thân; đây là phần thứ tư trong đoạn văn nhỏ thứ tư.

Trong đó, phần đầu là lấy phước đức để so sánh, phần sau làm rõ Ly tướng để thuyết. Đây là phần đầu.

Nghĩa là: Pháp thân không thọ nhận phước đức; nhưng Hoá thân của nó thì phước đức vô tận. Vì phước đức của Hoá thân vô tận cho nên có thể vì người khác mà diễn thuyết; cho nên người phát tâm thành Phật phải thọ trì và vì người khác mà diễn nói, thì phước đức đó hơn cả lấy bảy báu để bố thí.

“Sao nói là vì người khác diễn thuyết, mà không thủ ở tướng, Như như bất động?”

Lời thuật: Đây là phần làm rõ Ly tướng để mà thuyết.

Nghĩa là: Hoá thân thuyết pháp không thủ ở tướng mà thuyết, vì đã không có phân biệt chấp, nên không nói Ta là Hoá thân,... Vì vậy mà đắc phước nhiều. Còn Như như bất động; thì chữ Như sau là chân như, chữ Như trước là tử dụ. Nghĩa là; khi Hoá thân thuyết pháp không thủ tướng Hữu vi, giống như chân như sâu lắng bất động.

Ngài Vô Trước nói: Sau đoạn văn này, tức là phần ba, trong phần thứ sáu trụ tịnh hạnh: Vì để bất nhiễm hành trú. Trong phần bất nhiễm kia lại có hai loại: 1. Thuyết pháp bất nhiễm, tức ở trên đã nói: Thọ trì diễn thuyết kinh này phước đức hơn cả bố thí bảy báu. Là vì đại lợi ích, cho nên quyết định diễn thuyết nhưng vẫn không bị nhiễm gì cả; 2. Lưu chuyển bất nhiễm; nghĩa là thuyết chín dụ, là để hiển thị, bởi không thể thuyết nói. Không diễn thuyết pháp kia là cái Thể khả thuyết, nên diễn thuyết như vậy. Nếu khác vậy, thành ra là nhiễm thuyết bởi nghĩa Đilen đảo. Lại nữa, khi thuyết như vậy, không mong cầu sự tin kính,... cũng là vô nhiễm thuyết!

“Vì sao?”

*Tất cả hữu vi pháp Như
mộng, ảo, bọt, ảnh
Như sương, cũng như chớp
Nên làm như đã quán.*

Lời thuật: Theo Thế Thân; đây là đoạn văn lớn thứ tư trong quá trình giải thích nghi.

Nghĩa là có người nghi rằng: Nếu chư Phật Như Lai thường vì chúng sanh mà thuyết pháp, sao nói Như Lai nhập Niết-bàn? Để phá nghi đó, cho nên lập chín dụ, như Huyền ký đã nói.

Ngài Vô Trước nói: Đây là phần hai, vì chuyển lưu bất nhiễm.

“Phật thuyết kinh này rồi; Trưởng lão Tu-bồ-đề và các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la... đã được nghe Phật thuyết, đều vô cùng hoan hỷ, tín thọ và phụng hành”.

Lời thuật: Đây là đoạn lớn thứ ba. Phần Hỷ ngộ tu hành.

